

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG TRỊ****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**Số: **264** /BC-UBNDQuảng Trị, ngày **19** tháng 11 năm 2023**BÁO CÁO****Tình hình thực hiện kế hoạch đầu tư công năm 2023
và kế hoạch đầu tư công năm 2024****I. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2023**

Năm 2023 là năm giữa nhiệm kỳ, có ý nghĩa quan trọng trong việc thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm, Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025. Kế hoạch đầu tư công năm 2023 được thực hiện trong bối cảnh tình hình thế giới và trong nước tiếp tục diễn biến nhanh, phức tạp, khó lường; có những yếu tố tác động mạnh đến các hoạt động kinh tế, xã hội và đầu tư; biến đổi khí hậu, thiên tai, thời tiết có nhiều tác động bất lợi; hoạt động sản xuất kinh doanh của người dân và doanh nghiệp vẫn còn gặp nhiều khó khăn.

Trong bối cảnh đó, việc thực hiện có hiệu quả kế hoạch đầu tư công năm 2023, bao gồm cả triển khai có hiệu quả Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội có vai trò, ý nghĩa rất quan trọng, góp phần khơi thông điểm nghẽn, đưa dòng vốn đầu tư công vào nền kinh tế, thu hút đầu tư, dẫn dắt tăng trưởng vốn đầu tư toàn xã hội, tạo ra động lực, không gian phát triển mới, giải quyết việc làm, tăng thu nhập, đẩy mạnh sản xuất kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh, thúc đẩy tăng trưởng cho nền kinh tế, tạo điều kiện thuận lợi hơn cho phục hồi nhanh và phát triển bền vững. Tuy còn nhiều khó khăn và thách thức nhưng dưới sự lãnh đạo của Tỉnh ủy, sự giám sát và đồng hành của Hội đồng nhân dân tỉnh, sự chỉ đạo, điều hành quyết liệt, đồng bộ, kịp thời của Ủy ban nhân dân tỉnh và sự nỗ lực, quyết tâm vào cuộc của các cấp, các ngành; kế hoạch đầu tư công năm 2023 đã đạt được một số kết quả tích cực, rút ra được một số bài học kinh nghiệm để xây dựng và triển khai tốt hơn Kế hoạch đầu tư công các năm tiếp theo nhằm đạt mục tiêu của Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 của tỉnh.

1. Công tác chỉ đạo, điều hành:

Quán triệt chỉ đạo của Chính phủ, tỉnh xác định rõ việc thực hiện và giải ngân kế hoạch vốn đầu tư công là nhiệm vụ chính trị trọng tâm, xuyên suốt của năm 2023 gắn với vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu. Ngay khi được Thủ tướng Chính phủ và Hội đồng nhân dân tỉnh giao kế hoạch 2023; Ủy ban nhân dân tỉnh đã khẩn trương phân bổ vốn cho các đơn vị theo đúng quy định nhằm tranh thủ thời tiết thuận lợi để triển khai thực hiện dự án, sớm giải ngân nguồn vốn được giao.

Bên cạnh việc triển khai thực hiện đồng bộ các giải pháp nhằm đẩy mạnh thực hiện và giải ngân vốn đầu tư công năm 2023, tập trung tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, nhất là trong công tác GPMB và khắc phục tình trạng thiếu hụt nguồn đất đáp phục vụ các công trình, Ban Cán sự Đảng Ủy ban nhân dân tỉnh đã tham mưu Ban Thường vụ Tỉnh ủy ban hành Nghị quyết số 05-NQ/TU ngày 24/3/2023

về tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo, thực hiện công tác giải phóng mặt bằng, triển khai các dự án phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh; phối hợp với Ban Dân vận Tỉnh ủy triển khai Hội nghị chuyên đề về “Phát huy vai trò của các tổ chức trong hệ thống chính trị đối với công tác dân vận trong giải phóng mặt bằng các dự án trọng điểm của tỉnh”; tham mưu Ban Thường vụ Tỉnh ủy thành lập Ban Chỉ đạo công tác giải phóng mặt bằng cấp tỉnh¹.

Ủy ban nhân dân tỉnh thường xuyên tổ chức các cuộc họp, giao ban để nắm bắt tình hình và trực tiếp chỉ đạo giải quyết kịp thời; tại nhiều văn bản chỉ đạo², Hội nghị triển khai kế hoạch 2023 và các Phiên họp thường kỳ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh đã yêu cầu Giám đốc các sở, Thủ trưởng các ban ngành cấp tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện và Chủ đầu tư tăng cường công tác chỉ đạo và tổ chức thực hiện, chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân tỉnh và Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về kết quả giải ngân kế hoạch đầu tư công năm 2023 của đơn vị, địa phương mình.

Ủy ban nhân dân tỉnh đã quan tâm chỉ đạo quyết liệt, sát sao, thường xuyên, liên tục kiểm tra thực địa các dự án đầu tư đang gặp khó khăn, các dự án vướng mắc giải phóng mặt bằng để thúc đẩy tiến độ thực hiện và nâng cao tỷ lệ giải ngân của tỉnh. Yêu cầu Giám đốc các sở, Thủ trưởng các ban ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, thị xã, Giám đốc các Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng chuyên ngành và địa phương, các chủ đầu tư dự án tập trung chỉ đạo, tăng cường kỷ luật, kỷ cương, công khai, minh bạch trong thực hiện kế hoạch đầu tư công năm 2023. Phân công các đồng chí lãnh đạo theo dõi, đôn đốc tiến độ thực hiện, giải ngân từng dự án theo từng ngành, lĩnh vực phụ trách, chủ động tháo gỡ khó khăn, vướng mắc của các dự án; kịp thời báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh đối với các nhiệm vụ vượt thẩm quyền.

Ban chỉ đạo các Chương trình mục tiêu quốc gia tỉnh đã chỉ đạo quyết liệt việc triển khai thực hiện kế hoạch đã đề ra, tổ chức các cuộc họp, hội nghị để thảo luận và thống nhất các giải pháp để tháo gỡ khó khăn, vướng mắc và triển khai hiệu quả các mục tiêu, nhiệm vụ đề ra³. Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành văn bản chỉ đạo thực hiện Chương trình công tác năm 2023 của Ban chỉ đạo Trung ương các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025⁴, trong đó giao các cơ quan phụ trách các Chương trình, các dự án thành phần, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố rà soát các công trình, dự án thuộc phạm vi đầu tư của các Chương trình có nhu cầu điều chỉnh, thực hiện đầu tư có trọng tâm, trọng điểm, tránh dàn trải, lãng phí, kém hiệu quả và đảm bảo giải ngân hết kế hoạch 2022 được phép kéo dài và kế hoạch 2023 được giao.

¹ Quyết định số 936-QĐ/TU ngày 09/02/2023 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Quảng Trị.

² Chỉ thị số 01/CT-UBND ngày 18/01/2023, số 06/CT-UBND ngày 13/9/2023 và các Thông báo số 73/TB-UBND ngày 06/4/2023, số 91/TB-UBND ngày 28/4/2023, số 159/TB-UBND ngày 20/7/2023, số 184/TB-UBND ngày 18/8/2023, số 216/TB-UBND ngày 29/9/2023

³ Thông báo số 68/TB-UBND ngày 01/4/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh

⁴ Văn bản số 2047/UBND-KT ngày 05/5/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh

2. Công tác phân bổ kế hoạch vốn đầu tư công

Kế hoạch vốn ngân sách nhà nước năm 2023 của tỉnh được Thủ tướng Chính phủ, Hội đồng nhân dân tỉnh giao là 3.130,995 tỷ đồng⁵.

Ủy ban nhân dân tỉnh đã chủ động, tích cực triển khai phân bổ kế hoạch 2023 theo đúng các nguyên tắc, tiêu chí quy định và trong phạm vi kế hoạch, danh mục được cấp có thẩm quyền giao. Việc phân bổ kế hoạch vốn đầu tư công được sắp xếp theo thứ tự ưu tiên; tập trung nguồn lực để thanh toán khối lượng hoàn thành, hoàn trả các khoản ứng trước ngân sách, hoàn thành dứt điểm các hạng mục chính, hạn chế tình trạng dàn trải, kéo dài thời gian thực hiện; đồng thời đảm bảo công khai, minh bạch và hài hòa trong phân bổ nguồn lực đầu tư, góp phần thúc đẩy sự phát triển hài hòa giữa các ngành, lĩnh vực và địa phương trong tỉnh. Kế hoạch đầu tư công năm 2023 của tỉnh đã được Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính rà soát, đánh giá đảm bảo theo đúng quy định⁶.

Căn cứ quy định của Luật Đầu tư công, kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 được cấp có thẩm quyền giao và tình hình thực tiễn của địa phương; đến nay, Ủy ban nhân dân tỉnh giao chi tiết kế hoạch đầu tư công năm 2023 với số vốn 3.070,995 tỷ đồng, bằng 99,4% kế hoạch Thủ tướng Chính phủ giao và 98% kế hoạch Hội đồng nhân dân tỉnh giao⁷; cụ thể:

- Vốn ngân sách địa phương⁸: 1.370,262 tỷ đồng, bằng 103% kế hoạch Thủ tướng Chính phủ giao; trong đó: cân đối theo tiêu chí: 416,312 tỷ đồng; đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất: 834,25 tỷ đồng; đầu tư từ xổ số kiến thiết: 47 tỷ đồng; bội chi ngân sách địa phương: 72,7 tỷ đồng;

- Vốn ngân sách trung ương⁹: 1.171,616 tỷ đồng, bằng 96,6% kế hoạch được giao; trong đó: (1) vốn trong nước đầu tư theo ngành, lĩnh vực: 661,7 tỷ đồng; (2) đầu tư các dự án quan trọng quốc gia, liên kết vùng, đường ven biển, dự án trọng điểm: 160 tỷ đồng; (3) vốn nước ngoài: 349,916 tỷ đồng;

- Các chương trình mục tiêu quốc gia¹⁰: 368,117 tỷ đồng, bằng 100% kế hoạch được giao; trong đó: (1) Chương trình MTQG phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi: 192,739 tỷ đồng; (2) Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững: 79,518 tỷ đồng; (3) Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới: 95,86 tỷ đồng;

- Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội (lĩnh vực y tế)¹¹: 161 tỷ đồng, bằng 100% kế hoạch được giao.

⁵ Thủ tướng Chính phủ giao là 3.089,745 tỷ đồng. HĐND tỉnh giao tăng 41,25 tỷ đồng, cụ thể: Nguồn đầu giá đất cấp tỉnh quản lý tăng 34,25 tỷ đồng và Nguồn XSKT tăng 7 tỷ đồng

⁶ Văn bản số 806/BKHĐT-KTĐPLT ngày 8/2/2023 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư; Văn bản số 3663/BTC-ĐT ngày 14/4/2023 của Bộ Tài chính

⁷ So với kế hoạch được Thủ tướng Chính phủ giao, Hội đồng nhân dân tỉnh giao tăng 41,25 tỷ đồng, cụ thể: Nguồn đầu giá đất cấp tỉnh quản lý tăng 34,25 tỷ đồng và Nguồn Xổ số kiến thiết tăng 07 tỷ đồng.

⁸ Tại Quyết định số 3446/QĐ-UBND ngày 30/12/2022, Quyết định số 1826/QĐ-UBND ngày 16/8/2023, Quyết định số 2509/QĐ-UBND ngày 31/10/2023 và Quyết định số 2567/QĐ-UBND ngày 3/11/2023

⁹ Tại Quyết định số 3297/QĐ-UBND ngày 22/12/2022

¹⁰ Tại các Quyết định: số 3298/QĐ-UBND ngày 22/12/2022, số 3406/QĐ-UBND ngày 28/12/2022, số 3333/QĐ-UBND ngày 22/12/2022

¹¹ Tại Quyết định số 524/QĐ-UBND ngày 23/3/2023 và số 551/QĐ-UBND ngày 27/3/2023

Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2023 của tỉnh chưa phân bổ chi tiết là 60 tỷ đồng (vốn nước ngoài) với lý do là dự kiến phân bổ để triển khai thực hiện Dự án Xây dựng cơ sở hạ tầng thích ứng với biến đổi khí hậu cho đồng bào dân tộc thiểu số - (CRIEM), tỉnh Quảng Trị nhưng đến nay dự án chưa hoàn thành thủ tục ký Hiệp định vay nên chưa đủ điều kiện phân bổ kế hoạch đầu tư công năm 2023.

3. Công tác điều chỉnh và giải ngân kế hoạch vốn đầu tư công

Quá trình điều hành, tổ chức thực hiện, việc điều chuyển nội bộ trong từng nguồn vốn kế hoạch đầu tư công năm 2023 từ những dự án không có khả năng giải ngân sang các dự án giải ngân tốt, cần đẩy nhanh tiến độ được Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai kịp thời, đảm bảo quy trình, thủ tục và đúng thẩm quyền nhằm đẩy nhanh tiến độ thực hiện và giải ngân nguồn vốn đầu tư công của toàn tỉnh; cụ thể:

- Nguồn vốn ngân sách địa phương: thực hiện 03 đợt điều chỉnh nội bộ kế hoạch vốn 2023 với tổng số vốn điều chỉnh là 64,311 tỷ đồng¹²; 01 đợt điều chuyển kế hoạch 2022 kéo dài sang năm 2023 với số vốn 15,277 tỷ đồng¹³.

- Nguồn vốn ngân sách trung ương: thực hiện 05 đợt điều chỉnh nội bộ với tổng số vốn điều chỉnh là 198,547 tỷ đồng¹⁴;

- Nguồn vốn nước ngoài: thực hiện 01 đợt điều chỉnh nội bộ với tổng số vốn điều chỉnh là 20,919 tỷ đồng¹⁵.

- Chương trình MTQG: thực hiện 02 đợt điều chỉnh nội bộ với tổng số vốn điều chỉnh là 17,553 tỷ đồng¹⁶.

Theo báo cáo tiến độ và cam kết của các chủ đầu tư, dự kiến giá trị giải ngân kế hoạch 2023 của tỉnh khoảng 2.315 tỷ đồng, đạt 75% kế hoạch Thủ tướng Chính phủ giao và đạt 90,5% kế hoạch thực tế tỉnh tổ chức thực hiện (là số vốn kế hoạch thực tế không tính nguồn thu sử dụng đất dự kiến huy động thu khoảng 512 tỷ đồng và số vốn nước ngoài 60 tỷ đồng chưa phân bổ chi tiết); trong đó:

- Nguồn vốn ngân sách địa phương đạt 98% kế hoạch;
- Nguồn vốn ngân sách trung ương đạt 86% kế hoạch¹⁷;
- Nguồn vốn Chương trình MTQG đạt 100% kế hoạch;
- Nguồn vốn Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế xã hội (lĩnh vực y tế) đạt 64% kế hoạch.

Một số nguồn vốn kế hoạch năm 2023 dự kiến thực hiện và giải ngân đạt thấp so với kế hoạch đề ra do các nguyên nhân khách quan sau đây:

- Nguồn vốn nước ngoài ngân sách trung ương do các dự án ODA gặp nhiều vướng mắc, các đề xuất chậm được Trung ương, nhà tài trợ giải quyết¹⁸;

¹² Quyết định số 1825/QĐ-UBND ngày 16/8/2023; Quyết định số 2509/QĐ-UBND ngày 31/10/2023; Quyết định số 2633/QĐ-UBND ngày 06/11/2023

¹³ Quyết định số 2567/QĐ-UBND ngày 3/11/2023

¹⁴ Quyết định số 1134/QĐ-UBND ngày 02/6/2023; Quyết định số 1688/QĐ-UBND ngày 02/8/2023; Quyết định số 2021/QĐ-UBND ngày 6/9/2023; Quyết định số 2337/QĐ-UBND ngày 13/10/2023; Quyết định số 2569/QĐ-UBND ngày 03/11/2023

¹⁵ Quyết định số 2569/QĐ-UBND ngày 03/11/2023

¹⁶ Quyết định số 788/QĐ-UBND ngày 21/4/2023; Quyết định số 2360/QĐ-UBND ngày 16/10/2023

¹⁷ Trong đó: Vốn trong nước đạt 98% kế hoạch và vốn nước ngoài đạt 55% kế hoạch

- Nguồn vốn đầu giá quyền sử dụng đất do thu nhập của người dân gặp nhiều khó khăn, tác động của chính sách tín dụng bất động sản thắt chặt và một số chính sách tài chính đất đai khác dẫn đến sức mua suy giảm¹⁹;

- Nguồn vốn Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế xã hội do Thủ tướng Chính phủ giao muợn²⁰ và công tác hoàn thiện các thủ tục đầu tư phức tạp, kéo dài²¹.

4. Công tác đấu thầu:

Công tác đấu thầu, lựa chọn nhà thầu đối với các công trình, dự án được tổ chức thực hiện nghiêm túc, tuân thủ đúng theo quy định của Luật Đấu thầu năm 2013, Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/3/2014 của Chính phủ, các thông tư hướng dẫn của Bộ, ngành liên quan. Công tác chỉ đạo, tổ chức triển khai hoạt động đấu thầu trên địa bàn tỉnh bảo đảm theo đúng quy định của pháp luật; tính cạnh tranh và hiệu quả trong đấu thầu ngày càng được nâng lên; trình tự, thủ tục trong việc lập, phát hành hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu; đăng tải thông tin đấu thầu lên hệ thống mạng đấu thầu quốc gia; báo cáo đánh giá, thẩm định trong quá trình lựa chọn nhà thầu,... được thực hiện đảm bảo chặt chẽ, minh bạch, công khai đúng quy trình quy định.

Việc phân cấp mạnh đã giảm bớt thời gian, thủ tục hành chính, tạo điều kiện để các chủ đầu tư, bên mời thầu chủ động trong quá trình lựa chọn nhà thầu và triển khai thực hiện hợp đồng; hoạt động đấu thầu dần đi vào nề nếp, góp phần nâng cao hiệu quả, hiệu lực thực thi pháp luật về đấu thầu trong các dự án sử dụng vốn nhà nước.

Quá trình đấu thầu đã thực hiện phân chia gói thầu và lập hồ sơ mời thầu theo đúng quy định, phù hợp với điều kiện năng lực của nhà thầu trong nước, các tiêu chí ưu đãi, cách tính giá trị ưu đãi, bảo đảm các điều kiện cạnh tranh tối đa cho các doanh nghiệp, góp phần tạo việc làm cho người lao động. Việc đăng tải thông tin trong đấu thầu được thực hiện nghiêm túc, đầy đủ.

Công tác đấu thầu qua mạng trên địa bàn tỉnh thực hiện theo đúng lộ trình quy định tại Thông tư số 08/2022/TT-BKHĐT ngày 31/5/2022 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư và đã có sự cải thiện đáng kể, góp phần đảm bảo tính cạnh tranh, công bằng, minh bạch và hiệu quả trong đấu thầu. Tính đến ngày 15/11/2023 trên địa bàn tỉnh tỷ lệ về số lượng gói thầu thực hiện đấu thầu qua mạng đạt 100% và tỷ lệ

¹⁸ Bao gồm: kế hoạch 2023 chưa được giao (60 tỷ đồng) và kế hoạch 2023 đã giao nhưng tình hình Trung ương xem xét điều chỉnh giảm kế hoạch là 138 tỷ đồng (tại có văn bản số 3121/UBND-TH và Tờ trình số 144/TTr-UBND ngày 06/9/2023)

¹⁹ Dự kiến đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất kế hoạch 2023 cấp tỉnh quản lý thực hiện khoảng 132 tỷ đồng (bao gồm thu tại thành phố Đông Hà 70 tỷ đồng và vượt thu năm 2021, 2022 được giao kế hoạch 2023 là 62 tỷ đồng) và cấp huyện quản lý thực hiện khoảng 190 tỷ đồng.

²⁰ Đến ngày 8/3/2023 mới được Thủ tướng Chính phủ giao kế hoạch đầu tư vốn ngân sách trung ương nên đến cuối tháng 3/2023 tỉnh mới hoàn thành công tác phân bổ kế hoạch để triển khai các bước tiếp theo

²¹ Đối với dự án xây lắp: gồm nhiều công trình cải tạo, nâng cấp kết nối các công trình hiện có nên việc nghiên cứu các giải pháp thiết kế đảm bảo tính đồng bộ gặp nhiều vướng mắc; Dự án thuộc đối tượng phải thực hiện thủ tục BVMT, PCCC nên thời gian khảo sát, đánh giá và hoàn thiện hồ sơ mất nhiều thời gian thực hiện. Dự kiến không giải ngân hết khoảng 55,2 tỷ đồng.

Đối với dự án thiết bị: phải thực hiện thuê tư vấn thẩm định giá thiết bị cũng như có thay đổi trong phương pháp xác định giá gói thầu theo Thông tư số 14/2023/TT-BYT của Bộ Y tế mới ban hành ngày 30/6/2023. Dự kiến không giải ngân hết khoảng 2,8 tỷ đồng

về giá trị gói thầu thực hiện đấu thầu qua mạng đạt 100%, vượt chỉ tiêu của Thông tư số 08/2022/TT-BKHĐT đã đề ra (*tối thiểu 90% số lượng gói thầu áp dụng hình thức đấu thầu rộng rãi, chào hàng cạnh tranh và tổng giá trị gói thầu đạt tối thiểu 80% tổng giá trị các gói thầu được đấu thầu qua mạng*).

5. Một số khó khăn, vướng mắc ảnh hưởng đến kết quả thực hiện và giải ngân kế hoạch đầu tư công năm 2023:

Quá trình triển khai kế hoạch đầu tư công năm 2023 gặp nhiều khó khăn, vướng mắc, trong đó có nhiều nguyên nhân chủ quan, khách quan và cả vướng mắc trong các quy định của pháp luật; còn một số tồn tại, hạn chế, trong đó có những hạn chế đã kéo dài nhiều năm tuy đã có nhiều chuyển biến nhưng so với yêu cầu thực tiễn thì vẫn còn chậm; cụ thể:

Công tác chuẩn bị đầu tư chưa tốt, kéo dài, còn thiếu chủ động làm chậm tiến độ triển khai thực hiện dự án và giải ngân kế hoạch vốn được giao. Đến nay, Dự án CRIEM²² vẫn chưa hoàn thành thủ tục ký Hiệp định vay nên chưa thể giao vốn nước ngoài (60 tỷ đồng). Kế hoạch 2023, toàn tỉnh có 40 dự án khởi công mới²³ với số vốn được giao 347 tỷ đồng và phần lớn phải đến hết tháng 6/2023 mới bắt đầu triển khai thi công; đến hết tháng 10/2023 vẫn còn 09 dự án²⁴ chưa được tổ chức thi công với kế hoạch vốn được giao 128 tỷ đồng. Bên cạnh đó, quá trình lập chủ trương đầu tư cũng như lập dự án chưa khảo sát, đánh giá kỹ các vấn đề đất rừng, đất lúa nên khi triển khai mới phát hiện vướng mắc; trong khi đó, quy trình, thủ tục chuyển đổi mục đích sử dụng khá phức tạp, địa phương không thể chủ động, phải xin nhiều cấp, ý kiến nhiều bộ, ngành, làm mất rất nhiều thời gian và ảnh hưởng đến tiến độ chung triển khai thực hiện dự án²⁵.

Trong bối cảnh nền kinh tế chịu tác động nặng nề của dịch bệnh Covid-19, thu nhập của người dân gặp nhiều khó khăn, tác động của chính sách tín dụng bất động sản thắt chặt và một số chính sách tài chính đất đai khác dẫn đến sức mua suy giảm, số lượng giao dịch ít, nhiều phiên đấu giá có rất ít người tham gia²⁶, công tác đấu giá các khu đất giao cho doanh nghiệp chưa thực hiện được. Cùng với đó, theo quy định mới tại Nghị định số 10/2023/NĐ-CP ngày 03/4/2023 của Chính phủ²⁷ có hiệu lực từ ngày 20/5/2023 thì thời gian nộp tiền trúng đấu giá là 120 ngày kể từ

²² Xây dựng cơ sở hạ tầng thích ứng với biến đổi khí hậu cho đồng bào dân tộc thiểu số - tỉnh Quảng Trị

²³ Trong đó: 26 dự án thiết kế 01 bước và 14 dự án thiết kế 02 bước

²⁴ Dự án thành phần 1: Trung tâm y tế huyện Triệu Phong; Trạm y tế xã Triệu Vân; Trạm y tế xã Triệu Thượng; Trạm y tế xã Triệu Phước (21,6 tỷ đồng); Dự án thành phần 2: Trung tâm y tế huyện Hướng Hóa; Trạm y tế thị trấn Khe Sanh; Trạm y tế xã Hướng Tân (19,2 tỷ đồng); Dự án thành phần 4: Trung tâm y tế huyện Hải Lăng (17 tỷ đồng); Dự án thành phần 7: Trung tâm y tế huyện Cam Lộ; Trạm y tế xã Cam Thủy; Trạm y tế thị trấn Cam Lộ (15,5 tỷ đồng); Xây dựng trường quay chuyên nghiệp quy mô 250 chỗ và trường quay ngoài trời (10 tỷ đồng); Mua sắm thiết bị cho các cơ sở y tế tỉnh Quảng Trị (30,758 tỷ đồng); Trồng, bảo vệ, phát triển rừng và cơ sở hạ tầng phục vụ bảo tồn và phát triển bền vững các Khu bảo tồn thiên nhiên Đakrông và Bắc Hướng Hóa tỉnh Quảng Trị - Thực hiện đầu tư các hạng mục thuộc 03 BQL khu bảo tồn thiên nhiên (14,275 tỷ đồng)

²⁵ Phát triển cơ sở hạ tầng du lịch hỗ trợ cho tăng trưởng toàn diện khu vực tiểu vùng sông Mê Kông mở rộng (Hạng mục bãi tắm cộng đồng Trung Giang); Đường nối đường Hồ Chí Minh nhánh Đông với đường Hồ Chí Minh nhánh Tây; Đường ven biển kết nối hành lang kinh tế Đông Tây, tỉnh Quảng Trị - Giai đoạn 1

²⁶ Số lô đấu giá thành công năm 2023 (do Trung tâm PTQĐ thực hiện): Phiên đấu giá tháng 01/2023 là 01/30 lô, phiên đấu giá ngày 13/5/2023 là 9/39 lô, phiên đấu giá ngày 20/5/2023 là 07/37 lô; phiên đấu giá ngày 10/6/2023 có 03/30 lô; phiên đấu giá ngày 11/6/2023 có 02/21 lô; phiên đấu giá ngày 09/7/2023 có 0/44 lô; phiên đấu giá ngày 17/9/2023 có 6/66 lô; phiên đấu giá ngày 08/10/2023 có 5/11 lô; phiên đấu giá ngày 14/10/2023 có 4/47 lô; phiên đấu giá ngày 05/11/2023 có 3/6 lô

²⁷ Quy định tại Khoản 3 Điều 3 Nghị định 10/2023/NĐ-CP.

ngày có quyết định công bố kết quả trúng đấu giá²⁸ đã ảnh hưởng lớn đến kết quả thu ngân sách kế hoạch 2023 được giao; dẫn đến các dự án được phân bổ kế hoạch từ nguồn thu sử dụng đất chưa có nguồn để nhập dự toán và chưa thể triển khai thực hiện, giải ngân.

Một trong những khó khăn, vướng mắc kéo dài nhiều năm trong triển khai các dự án xây dựng cơ bản là công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng. Nhiều dự án triển khai chậm hoặc chưa thể thi công do công tác giải phóng mặt bằng²⁹; trong đó, vướng mắc chủ yếu liên quan đến các hộ dân không đồng thuận với phương án, mức giá đền bù, công tác quản lý đất đai ở cơ sở còn hạn chế, khó khăn trong việc xác định nguồn gốc đất, kiểm kê, kê khai để phân loại đất đền bù, lựa chọn các vị trí để lập quy hoạch, hoàn thiện thủ tục xây dựng khu tái định cư, nhân sự làm công tác giải phóng mặt tại các đơn vị, địa phương ít, kiêm nhiệm nhiều việc. Bên cạnh đó, một số công trình thi công trên mặt bằng hiện có nhưng công tác thanh lý tài sản, tháo dỡ, bàn giao mặt bằng của đơn vị chủ quản chậm trễ, phát sinh nhiều thủ tục trước khi có thể triển khai thực hiện³⁰.

Việc khai thác đất tận thu từ các hoạt động nạo vét lòng hồ phụ thuộc vào thời tiết nên khối lượng không ổn định, chỉ khai thác theo thời vụ nhất định, không đảm bảo tính liên tục theo tiến độ dự án; mặt khác đất bồi lắng lòng hồ là đất mềm yếu, có lượng ngậm nước cao, rất khó để thi công đạt đến độ chặt theo yêu cầu thiết kế. Bên cạnh đó, đối với các điểm mỏ đã được cấp phép do có cự ly vận chuyển xa, làm tăng chi phí vận chuyển nên không phù hợp tính toán xác định chi phí đầu tư theo quy định³¹. Tiến độ, thủ tục cấp giấy phép khai thác mỏ đất mới mất nhiều thời gian³².

Các công trình, dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia chủ yếu là đầu tư cơ sở hạ tầng có quy mô nhỏ, số lượng dự án thực hiện ở các địa phương lớn; trong điều kiện lực lượng cán bộ thẩm định dự án ít nên việc tổ chức thẩm định dự án ở các huyện gặp nhiều khó khăn đã làm chậm tiến độ triển khai thực hiện. Bên cạnh đó, do tính chất công trình có quy mô nhỏ, đơn vị thi công và chủ đầu tư không thể tổ chức nghiệm thu giai đoạn mà chỉ tổ chức nghiệm thu khi công trình hoàn thành và thực hiện thủ tục giải ngân kế hoạch. Mặt khác, kế hoạch 2022 của các Chương trình mục tiêu quốc gia được kéo dài sang năm 2023 khá lớn (243 tỷ đồng) nên các địa phương phải tập trung ưu tiên giải ngân số vốn được phép kéo dài đồng thời với giải ngân kế hoạch 2023.

²⁸ Quy định trước: Thời gian nộp tiền trúng đấu giá 30 ngày đối với cá nhân và 120 ngày đối với tổ chức.

²⁹ Đường nối cầu An Mô vào khu lưu niệm Tổng bí thư Lê Duẩn; Đường ven biển kết nối hành lang kinh tế Đông Tây, tỉnh Quảng Trị - Giai đoạn 1; Đường biên giới Khe sanh Sa Trầm (ĐT.587) - Giai đoạn 1; Phát triển các đô thị dọc hành lang tiểu vùng sông Mê Kông; Hạ tầng cơ bản cho phát triển toàn diện các tỉnh Quảng Trị; Phát triển cơ sở hạ tầng du lịch hỗ trợ cho tăng trưởng toàn diện khu vực tiểu vùng sông Mê Kông mở rộng; Khu đô thị Bắc sông Hiếu giai đoạn 2; Hạ tầng kỹ thuật phục vụ giải phóng mặt bằng để mở rộng cảng Cửa Việt.

³⁰ Trường Cao đẳng Kỹ thuật Quảng Trị; Đầu tư xây dựng và phát triển hệ thống cung ứng dịch vụ y tế tuyến cơ sở; Cải tạo, sửa chữa trụ sở UBND tỉnh; Xóa phòng học tạm, phòng học mượn, cải tạo nâng cấp các trường dân tộc nội trú, bán trú trên địa bàn tỉnh và xây dựng Trường THPT Hướng Hóa; Bảo tồn, tôn tạo, nâng cấp các di tích lịch sử cách mạng trọng điểm của tỉnh.

³¹ Đối với các dự án trên địa bàn thành phố Đông Hà và một số địa phương khác

³² Sau khi trúng đấu giá quyền khai thác các mỏ đất, các chủ mỏ phải thực hiện việc lập các hồ sơ, trình thẩm định, phê duyệt theo thủ tục hành chính về: thăm dò, phê duyệt trữ lượng, cấp chủ trương đầu tư, chuyển mục đích sử dụng và trồng rừng thay thế, đánh giá tác động môi trường, tham định thiết kế kỹ thuật và bản vẽ thi công, cấp phép khai thác, giao/thuê đất thực hiện dự án

Các dự án ODA ngoài việc thực hiện theo đúng các quy định của pháp luật trong nước, còn phải thực hiện thêm các hồ sơ thủ tục đầu tư theo các cam kết với nhà tài trợ dẫn đến quá trình hoàn thiện thủ tục, rút vốn, giải ngân mất rất nhiều thời gian, công đoạn. Bên cạnh đó, một số dự án ODA trong quá trình thực hiện phải điều chỉnh chủ trương đầu tư, gia hạn Hiệp định³³ nhưng thủ tục thẩm định của các Bộ ngành Trung ương kéo dài, chậm trễ. Thời gian lấy ý kiến không phản đối của các nhà tài trợ kéo dài³⁴; thực hiện nghiệm thu công đoạn trong khi quá trình giải ngân phụ thuộc vào nghiệm thu khối lượng³⁵ đã ảnh hưởng rất lớn đến công tác giải ngân kế hoạch vốn được giao. Đối với các dự án ô do Bộ ngành Trung ương làm cơ quan chủ quản thì tiến độ còn chậm trễ hơn do phụ thuộc nhiều vào các địa phương tham gia dự án nên ảnh hưởng lớn đến tiến độ triển khai thực hiện³⁶.

Một số nhà thầu gặp khó khăn, năng lực hạn chế, chưa tập trung nhân lực và vật lực để thi công, đẩy nhanh khối lượng thực hiện đã ảnh hưởng đến tiến độ triển khai thực hiện và giải ngân của một số công trình³⁷.

6. Nhiệm vụ trong thời gian còn lại của năm 2023:

Trong thời gian còn lại của năm 2023, các sở, ban ngành, địa phương và chủ đầu tư tiếp tục quán triệt và tổ chức thực hiện quyết liệt, hiệu quả Nghị quyết của Quốc hội, Chính phủ và các văn bản chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ; Kết luận của Tỉnh ủy, Nghị quyết của HĐND tỉnh và các văn bản chỉ đạo của UBND tỉnh, nỗ lực phấn đấu để thực hiện và giải ngân đạt mức cao nhất kế hoạch vốn đã được cấp có thẩm quyền giao trong năm 2023 (trừ những nguồn vốn được phép kéo dài và nguồn vốn đất không thực hiện đạt kế hoạch đề ra). Các chủ đầu tư nghiêm túc thực hiện theo đúng cam kết với UBND tỉnh giải ngân đạt trên 90% kế hoạch vốn được giao.

II. KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2024

1. Bối cảnh thực hiện kế hoạch đầu tư công năm 2024

Năm 2024 là năm có vai trò quyết định đối với việc thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm, Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025. Tăng trưởng kinh tế đang tiếp tục xu hướng phục hồi tích cực nhưng khó khăn, thách thức còn rất lớn, trong lúc kế hoạch đầu tư công nguồn vốn NSNN năm 2024 được Trung ương thông báo dự kiến³⁸ chỉ bằng 76% kế hoạch 2023 được Thủ

³³ Dự án Phát triển các đô thị dọc hành lang tiểu vùng sông Mê Kông (GMS); Dự án Hạ tầng cơ bản cho phát triển toàn diện tỉnh Quảng Trị (BIIG2); Dự án Hiện đại hóa ngành lâm nghiệp và Tăng cường tính chống chịu ven biển (FMCR), Nâng cấp cơ sở vật chất ngành y tế tỉnh Quảng Trị, ...

³⁴ Cơ chế ký kết, thanh toán đối với nhiều hợp đồng sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi phải có ý kiến không phản đối của nhà tài trợ

³⁵ Dự án Hiện đại hóa ngành lâm nghiệp và Tăng cường tính chống chịu ven biển tỉnh Quảng Trị (FMCR)

³⁶ Dự án Sửa chữa và nâng cao an toàn đập (WB8); Dự án Xây dựng cầu dân sinh và quản lý tài sản đường địa phương (LRAMP)

³⁷ Kho lưu trữ chuyên dụng tỉnh Quảng Trị; Hạ tầng cơ bản cho phát triển toàn diện các tỉnh Quảng Trị; Xây dựng doanh trại Đội cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ thị xã Quảng Trị; Trường THPT Bùi Dục Tài, huyện Hải Lăng

³⁸ Dự kiến kế hoạch đầu tư công nguồn vốn NSNN năm 2024 được Bộ KHĐT thông báo tại văn bản số 8542/BKHĐT-TH ngày 13/10/2023 và văn bản số 8678/BKHĐT-TH ngày 19/10/2023 là 2.348,357 tỷ đồng

tướng Chính phủ giao³⁹ và bằng 73% kế hoạch 2024 địa phương dự kiến⁴⁰. Một số nguồn vốn Trung ương thông báo dự kiến giảm, cụ thể:

- Nguồn vốn ngân sách địa phương cân đối theo tiêu chí dự kiến 410,812 tỷ đồng, bằng 99% kế hoạch 2023 và bằng 93% kế hoạch 2024 địa phương dự kiến.
- Nguồn vốn ngân sách trung ương hỗ trợ dự kiến 657,36 tỷ đồng, bằng 80% kế hoạch 2023 và bằng 58% kế hoạch 2024 địa phương dự kiến.
- Nguồn vốn nước ngoài dự kiến 18,32 tỷ đồng, bằng 4% kế hoạch 2023 và bằng 9% kế hoạch 2024 địa phương dự kiến.

Điều đó đặt ra những thách thức rất lớn đối với Kế hoạch đầu tư công được kỳ vọng phát huy vai trò chủ chốt, dẫn dắt tăng trưởng nguồn vốn đầu tư xã hội và là “cú hích” cho phục hồi kinh tế. Vì vậy, Kế hoạch đầu tư công năm 2024 đòi hỏi phải được nâng cao chất lượng, hiệu lực, hiệu quả trong toàn bộ quá trình từ khâu lập kế hoạch đến triển khai thực hiện.

2. Căn cứ, cơ sở triển khai xây dựng kế hoạch

Căn cứ quy định của Luật Đầu tư công năm 2019; Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14 ngày 08/7/2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021 - 2025; Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 6/4/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công; Quyết định số 26/2020/QĐ-TTg ngày 14/9/2020 của Thủ tướng Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14 ngày 08/7/2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Căn cứ Quyết định số 1513/QĐ-TTg ngày 15/9/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ các mục tiêu, nhiệm vụ của Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XVII; các Nghị quyết của Tỉnh ủy, HĐND tỉnh về định hướng phát triển của địa phương; Nghị quyết số 71/2020/NQ-HĐND ngày 10/11/2020 của HĐND tỉnh về quy định nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương cân đối theo tiêu chí giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Nghị quyết số 69/NQ-HĐND ngày 4/8/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc cho ý kiến đối với dự kiến kế hoạch đầu tư công nguồn vốn ngân sách nhà nước năm 2024;

Căn cứ dự kiến kết quả thực hiện kế hoạch đầu tư công năm 2023 và nhu cầu thực tiễn của địa phương trong năm 2024.

3. Nguyên tắc, tiêu chí bố trí kế hoạch đầu tư công năm 2024

Thực hiện mục tiêu, định hướng phát triển trong chiến lược, kế hoạch phát triển kinh tế xã hội và quy hoạch đã được phê duyệt. Tuân thủ nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn được cấp có thẩm quyền quyết định;

³⁹ Kế hoạch 2023 được Thủ tướng Chính phủ giao tại Quyết định số 1513/QĐ-TTg ngày 03/12/2022 là 3.089,745 tỷ đồng

⁴⁰ Dự kiến kế hoạch đầu tư công nguồn vốn NSNN năm 2024 được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua tại Nghị quyết số 69/NQ-HĐND ngày 4/8/2023 là 3.210,446 tỷ đồng.

Danh mục dự án bố trí vốn kế hoạch 2024 phải thuộc danh mục kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Đáp ứng điều kiện bố trí vốn hằng năm theo quy định tại Điều 53 Luật Đầu tư công và đảm bảo thời gian bố trí vốn cho dự án theo quy định tại Điều 52 Luật Đầu tư công;

Thanh toán toàn bộ nợ đọng xây dựng cơ bản và hoàn trả vốn ứng trước chưa thu hồi (nếu có);

Bố trí vốn đối ứng cho các dự án sử dụng vốn ODA và vốn vay ưu đãi của nhà tài trợ nước ngoài theo tiến độ được phê duyệt. Đối với vốn nước ngoài, việc bố trí kế hoạch phải phù hợp với nội dung của Hiệp định, cam kết với nhà tài trợ;

Bố trí đủ vốn cho các dự án chuyển tiếp phải hoàn thành trong năm 2024 theo thời gian bố trí vốn; các dự án chuyển tiếp theo tiến độ được phê duyệt; các dự án khởi công mới quan trọng, cấp thiết đủ thủ tục đầu tư theo quy định;

Mức vốn bố trí cho từng dự án không vượt quá tổng mức đầu tư dự án trừ đi lũy kế dự kiến giải ngân đến hết năm 2023 và không vượt quá kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 được giao cho dự án trừ đi số vốn đã giải ngân năm 2021, 2022 và dự kiến giải ngân năm 2023 (bao gồm số vốn được cấp có thẩm quyền cho phép kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm 2023); phù hợp với khả năng thực hiện và giải ngân của từng dự án trong năm 2024.

Phân đầu giảm thời gian thực hiện và bố trí vốn các dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C so với thời gian tối đa được quy định tại Điều 52 Luật Đầu tư công, sớm đưa công trình vào sử dụng, phát huy hiệu quả đầu tư.

4. Dự kiến phân bổ nguồn vốn ngân sách Trung ương kế hoạch 2024

4.1 Đối với vốn trong nước:

* Tại Báo cáo số 182/BC-UBND ngày 4/8/2023 của UBND tỉnh⁴¹ và cập nhật theo các đợt điều chỉnh kế hoạch vốn ngân sách trung ương năm 2023 (sau thời điểm xây dựng kế hoạch lần 1), dự kiến kế hoạch 2024 của tỉnh là 1.125 tỷ đồng, trong đó:

- Đầu tư các dự án quan trọng quốc gia, dự án cao tốc, liên kết vùng, đường ven biển, dự án trọng điểm khác là 520 tỷ đồng

- Hỗ trợ đầu tư theo ngành, lĩnh vực là 605 tỷ đồng, trong đó:

+ Dự kiến hoàn thành năm 2024 theo chủ trương đầu tư được cấp có thẩm quyền phê duyệt 09 dự án với số vốn 222,903 tỷ đồng;

+ Dự kiến chuyển tiếp, hoàn thành sau năm 2024 theo tiến độ phê duyệt 15 dự án với số vốn 320,097 tỷ đồng;

+ Dự kiến khởi công mới 02 dự án với số vốn 62 tỷ đồng.

* Tuy nhiên, theo dự kiến kế hoạch 2024 được Bộ Kế hoạch và Đầu tư thông báo tại Văn bản số 8542/BKHĐT-TH ngày 13/10/2023 là 657,35 tỷ đồng, bằng 80% kế hoạch 2023 và bằng 58% mức dự kiến của tỉnh; trong đó:

⁴¹ Căn cứ Nghị quyết số 69/NQ-HĐND ngày 4/8/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc cho ý kiến đối với dự kiến kế hoạch đầu tư công nguồn vốn ngân sách nhà nước năm 2024

- Đầu tư các dự án quan trọng quốc gia, dự án cao tốc, liên kết vùng, đường ven biển, dự án trọng điểm khác là 520 tỷ đồng, bằng 325% kế hoạch 2023 và bằng 100% dự kiến của tỉnh;

- Hỗ trợ đầu tư theo ngành, lĩnh vực 137,36 tỷ đồng, bằng 21% kế hoạch 2023 và bằng 22% dự kiến của tỉnh.

* Dự kiến kế hoạch 2024 đầu tư theo ngành lĩnh vực được Trung ương thông báo chỉ đảm bảo 59% nhu cầu đầu tư hoàn thành của tỉnh (137,36/222,903 tỷ đồng) nên nếu thực hiện theo đúng dự kiến kế hoạch được Trung ương thông báo thì năm 2024 tỉnh sẽ không thể đầu tư hoàn thành 09 dự án trong theo đúng chủ trương đầu tư được cấp có thẩm quyền phê duyệt và phải tạm dừng, không tiếp tục triển thực hiện các dự án chuyển tiếp.

Bên cạnh đó, Cảng hàng không Quảng Trị là dự án giao thông mang tầm chiến lược, là một trong những trọng điểm nhằm kết nối liên vùng nhằm khai thác các tiềm năng, lợi thế khác biệt của tỉnh, là động lực thúc đẩy, lan tỏa và tạo đột phá trong phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng an ninh của tỉnh cũng như vùng Bắc Trung Bộ trong giai đoạn 2021-2025. Nên rất cần thiết phải bố trí vốn để triển khai thực hiện dự án Giải phóng mặt bằng để xây dựng dự án Cảng hàng không Quảng Trị trong năm 2024 để chuẩn bị sẵn sàng mặt bằng, sớm triển khai dự án Cảng hàng không Quảng Trị.

* Xuất phát từ tình hình thực tiễn đó, Ủy ban nhân dân tỉnh đã báo cáo, đề nghị Bộ Kế hoạch và Đầu tư xem xét, tổng hợp báo cáo cấp có thẩm quyền dự kiến kế hoạch 2024 của tỉnh cụ thể như sau:

- Điều chỉnh dự kiến cơ cấu đầu tư trong tổng nguồn thông báo đối với nhiệm vụ đầu tư dự án trọng điểm và nhiệm vụ đầu tư theo ngành lĩnh vực⁴², cụ thể:

+ Đầu tư các dự án quan trọng quốc gia, dự án cao tốc, liên kết vùng, đường ven biển, dự án trọng điểm khác 300 tỷ đồng, bằng 46% kế hoạch;

+ Hỗ trợ đầu tư theo ngành, lĩnh vực 357,36 tỷ đồng, bằng 54% kế hoạch.

- Dự kiến danh mục và mức vốn kế hoạch 2024 đầu tư theo ngành lĩnh vực cụ thể như sau:

+ Dự kiến hoàn thành năm 2024 theo đúng chủ trương đầu tư được cấp có thẩm quyền phê duyệt: 09 dự án với số vốn 222,903 tỷ đồng;

+ Dự kiến chuyển tiếp, hoàn thành sau năm 2024 theo tiến độ phê duyệt: 15 dự án với số vốn 84,457 tỷ đồng;

+ Ưu tiên khởi công mới dự án Giải phóng mặt bằng để xây dựng dự án Cảng hàng không Quảng Trị với số vốn 50 tỷ đồng (đúng bằng dự kiến kế hoạch 2024 đã được Hội đồng nhân dân tỉnh cho ý kiến) do đây là dự án trọng điểm của tỉnh cần sớm được triển khai.

4.2. Đối với vốn nước ngoài

⁴² Đúng bằng dự kiến cơ cấu đầu tư đối với nhiệm vụ đầu tư dự án trọng điểm và nhiệm vụ đầu tư theo ngành lĩnh vực đã được Hội đồng nhân dân tỉnh cho ý kiến.

Theo dự kiến kế hoạch 2024 được Bộ Kế hoạch và Đầu tư thông báo tại Văn bản số 8542/BKHĐT-TH ngày 13/10/2023 là 18,32 tỷ đồng, bằng 4% kế hoạch 2023 và bằng 9% mức dự kiến của tỉnh.

Dự kiến kế hoạch 2024 cho các dự án ODA và vốn vay ưu đãi đảm bảo theo đúng thứ tự ưu tiên đã được Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn, cụ thể: (1) Bố trí đủ vốn cho dự án kết thúc Hiệp định trong năm 2024 không có khả năng gia hạn Hiệp định, dự án dự kiến hoàn thành trong năm 2024; (2) Bố trí vốn cho các dự án chuyển tiếp theo tiến độ được duyệt. Các dự án chưa ký Hiệp định không đảm bảo điều kiện dự kiến kế hoạch vốn nước ngoài năm 2024.

5. Dự kiến phân bổ Chương trình MTQG kế hoạch 2024

Các Chương trình MTQG được phân bổ chi tiết cho từng dự án, tiểu dự án, nội dung, hoạt động của từng Chương trình theo đúng nguyên tắc, tiêu chí và định mức vốn phân bổ nguồn vốn ngân sách nhà nước trung hạn và hàng năm thực hiện các chương trình MTQG quy định tại các Nghị quyết của HĐND tỉnh số 21/2022/NQ-HĐND, số 22/2021/NQ-HĐND, số 23/2022/NQ-HĐND ngày 31/05/2022; Nghị quyết số 68/2023/NQ-HĐND ngày 19/7/2023 sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số 22/2022/NQ-HĐND; Nghị quyết số 72/2022/HĐND ngày 18/10/2022 sửa đổi Nghị quyết số 23/2022/NQ-HĐND và kế hoạch vốn đầu tư phát triển ngân sách trung ương 5 năm giai đoạn 2021-2025 quy định tại Nghị quyết số 30/NQ-HĐND ngày 29/6/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh.

Kế hoạch 2024 được Trung ương thông báo dự kiến là 368,665 tỷ đồng; trong đó:

- Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững: 92,292 tỷ đồng.
- Chương trình MTQG phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi: 178,503 tỷ đồng.
- Chương trình MTQG nông thôn mới: 97,87 tỷ đồng.

6. Dự kiến phân bổ vốn cân đối ngân sách địa phương kế hoạch 2024

6.1. Theo thông báo dự kiến của Bộ Kế hoạch và Đầu tư tại văn bản số 8542/BKHĐT-TH ngày 13/10/2023 và số 8678/BKHĐT-TH ngày 19/10/2023, nguồn vốn cân đối ngân sách địa phương năm 2024 của tỉnh là 1.304,012 tỷ đồng, trong đó:

- Ngân sách địa phương cân đối theo tiêu chí là 410,812 tỷ đồng;
- Đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất là 800 tỷ đồng⁴³;
- Đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết là 40 tỷ đồng;
- Đầu tư từ nguồn bội chi ngân sách địa phương là 53,2 tỷ đồng.

6.2. Căn cứ vào khả năng thu thực tế và nhu cầu chi đầu tư phát triển của tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh kế hoạch vốn cân đối ngân sách địa phương năm 2024 của tỉnh là 1.309,012 tỷ đồng (tăng 05 tỷ đồng từ nguồn XSKT); trong đó:

⁴³ Bộ Kế hoạch và Đầu tư thông báo tại văn bản số 8542/BKHĐT-TH ngày 13/10/2023 là 630 tỷ đồng và tại văn bản số 8678/BKHĐT-TH ngày 19/10/2023 bổ sung 170 tỷ đồng. Tuy nhiên, dự báo công tác đầu giá quyền sử dụng đất của tỉnh năm 2024 vẫn còn khó khăn nên UBND tỉnh đã có văn bản số 5526/UBND-TH ngày 23/10/2023 kiến nghị Bộ KHĐT giữ nguyên mức dự kiến là 630 tỷ đồng

- Ngân sách địa phương cân đối theo tiêu chí là 410,812 tỷ đồng, bằng 100% kế hoạch Trung ương dự kiến;

- Đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất là 800 tỷ đồng, bằng 100% kế hoạch Trung ương dự kiến; trong đó:

+ Nguồn thu từ đấu giá quyền sử dụng đất ở tại TP Đông: 295 tỷ đồng⁴⁴;

+ Nguồn thu đấu giá, đấu thầu các khu đất cho nhà đầu tư sử dụng: căn cứ tình hình thực hiện các dự án đấu giá, đấu thầu cho nhà đầu tư sử dụng trên địa bàn của tỉnh; quy trình để hoàn thiện việc đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư cần rất nhiều thời gian nên dự kiến số thu từ diễn ra chậm; dự kiến những tháng đầu năm 2024 thu khoảng 35 tỷ đồng⁴⁵ và trong điều kiện thuận lợi dự kiến cuối năm 2024 số thu sẽ được tiếp tục bổ sung. Trong trường hợp đó, Ủy ban nhân dân tỉnh sẽ trình HĐND tỉnh bổ sung dự toán năm 2024 để phân bổ kế hoạch cho các dự án đã được HĐND tỉnh giao kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025.

+ Nguồn thu đấu giá quyền sử dụng đất ở tại KKT TMĐB Lao Bảo: kế hoạch trung hạn 2021-2025 được HĐND tỉnh giao 110 tỷ đồng và số thu đến nay là 41,9 tỷ đồng. Trong điều kiện thị trường bất động sản gặp khó khăn, số thu năm 2023 không thực hiện được nên dự kiến kế hoạch 2024 giao 05 tỷ đồng.

+ Cấp huyện quản lý dự kiến 465 tỷ đồng trên cơ sở tính toán, đề xuất của các địa phương.

- Đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết: kế hoạch vốn XSKT giai đoạn 2021-2025 được Hội đồng nhân dân tỉnh giao tại Nghị quyết số 84/NQ-HĐND ngày 24/10/2023 là 223,987 tỷ đồng. Tổng vốn xổ số kiến thiết đã bố trí đến năm 2023 là 120,987 tỷ đồng, kế hoạch vốn xổ số kiến thiết còn lại (giai đoạn 2024-2025) là 103 tỷ đồng. Để đảm bảo cân đối thu chi theo dự toán thu năm 2024 của tỉnh, dự kiến nguồn thu xổ số kiến thiết là 45 tỷ đồng, bằng 112,5% kế hoạch Trung ương dự kiến.

- Đầu tư từ nguồn bội chi ngân sách địa phương là 53,2 tỷ đồng, 100% kế hoạch Trung ương dự kiến. Thực hiện theo nhu cầu và khả năng vay để bù đắp bội chi thực tế trong quá trình điều hành ngân sách nhưng không vượt quá hạn mức được Thủ tướng Chính phủ giao.

6.3. Phương án phân bổ cụ thể như sau:

*** Nguồn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí:**

Theo quy định của Trung ương⁴⁶ và kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025 được Thủ tướng Chính phủ giao⁴⁷, tốc độ tăng bình quân nguồn cân đối ngân sách

⁴⁴ Trung tâm PTQĐ tỉnh dự kiến số thu từ các dự án: Đường vành đai cứu hộ, cứu nạn phía Tây, TP Đông Hà: khoảng 15 tỷ; Khu đô thị Nam Đông Hà giai đoạn 3: khoảng 20 tỷ; Khu đô thị Đông đường Thành Cổ: khoảng 15 tỷ; Khu dân cư khu vực Biên phòng tỉnh (cũ): khoảng 16 tỷ; Khu đô thị tái định cư Nam Đông Hà giai đoạn 1: khoảng 10 tỷ; Khu đô thị Tân Vinh: khoảng 24 tỷ; Xây dựng CSHT khu vực Bắc sông Hiếu: khoảng 200 tỷ;

⁴⁵ Dự kiến thu từ các dự án: Khu dân cư mới phường 1, thành phố Đông Hà; Nhà ở thương mại tại Khu đô thị Bắc sông Hiếu giai đoạn 1; Trung tâm thương mại khu đô thị Nam Đông Hà giai đoạn 3 (Khu CC4)

⁴⁶ Tại Điều 8 Quyết định số 26/2020/QĐ-TTg ngày 14/9/2020 của Thủ tướng Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14 ngày 08/7/2020 của UBTVQH quy định về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn NSNN giai đoạn 2021-2025 “kế hoạch vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương (không bao gồm số thu sử dụng đất, xổ số kiến thiết, bội chi ngân sách địa phương) giai đoạn 2021-2025 được định hướng tính trên tốc độ tăng bình quân chung từ 5% - 6%”

địa phương là 6%/năm và dự kiến kế hoạch 2021-2024 Thủ tướng Chính phủ giao cho tỉnh là 1.732,829 tỷ đồng⁴⁸. Tuy nhiên, thực tế hàng năm Thủ tướng Chính phủ giao cho tỉnh không đảm bảo theo mức tăng bình quân⁴⁹, dẫn đến tổng kế hoạch 2021-2024 của tỉnh là 1.619,343 tỷ đồng⁵⁰. Do đó, nhằm đảm bảo kế hoạch phân bổ hàng năm giai đoạn 2021-2024 phù hợp với kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 đã được Hội đồng nhân dân tỉnh giao, dự kiến phân bổ 410,812 tỷ đồng cụ thể như sau:

- Đầu tư các lĩnh vực Quốc hội quy định (giáo dục - đào tạo và khoa học - công nghệ): 78,975 tỷ đồng, trong đó:

+ Giáo dục - đào tạo: được HĐND tỉnh giao trung hạn là 446,5 tỷ đồng, chiếm 20% trung hạn và giai đoạn 2021-2023 là 264,34 tỷ đồng, chiếm 21,9% tổng vốn giai đoạn⁵¹. Do đó, dự kiến kế hoạch 2024 là 70,76 tỷ đồng nhằm đảm bảo tỷ lệ đầu tư giai đoạn 2021-2024 cơ bản tương ứng tỷ lệ đầu tư trung hạn được HĐND tỉnh giao.

+ Khoa học - công nghệ: được HĐND tỉnh giao trung hạn là 44,65 tỷ đồng, chiếm 2% trung hạn và giai đoạn 2021-2023 là 24,166 tỷ đồng, chiếm 2% tổng vốn giai đoạn⁵². Do đó, dự kiến kế hoạch 2024 là 8,215 tỷ đồng nhằm đảm bảo tỷ lệ đầu tư giai đoạn 2021-2024 tương ứng tỷ lệ đầu tư trung hạn được HĐND tỉnh giao.

- Đầu tư các khoản thuộc trách nhiệm chung của tỉnh (ngoài lĩnh vực GD - ĐT và KH-CN): 63,937 tỷ đồng, chiếm 16% tổng vốn; trong đó:

+ Nhiệm vụ quy hoạch: 11,461 tỷ đồng;

+ Ưu đãi đầu tư: 04 tỷ đồng.

+ Đối ứng cho các dự án ODA: 53,676 tỷ đồng;

- Cân đối theo tiêu chí (phân cấp quản lý): 262,2 tỷ đồng; trong đó:

+ Cấp tỉnh quản lý⁵³: được HĐND tỉnh giao trung hạn là 797,828 tỷ đồng, chiếm 36% trung hạn và giai đoạn 2021-2023 là 391,302 tỷ đồng, chiếm 32,4% tổng vốn giai đoạn⁵⁴. Do đó, dự kiến kế hoạch 2024 là 199,8 tỷ đồng nhằm đảm bảo tỷ lệ đầu tư giai đoạn 2021-2024 cơ bản tương ứng tỷ lệ đầu tư trung hạn được HĐND tỉnh giao.

+ Cấp huyện quản lý: được HĐND tỉnh giao trung hạn là 392,792 tỷ đồng, chiếm 17,6% trung hạn và giai đoạn 2021-2023 là 221,974 tỷ đồng, chiếm 18,4% tổng vốn giai đoạn⁵⁵. Do đó, dự kiến kế hoạch 2024 là 62,9 tỷ đồng nhằm đảm bảo

⁴⁷ Nguồn vốn ngân sách địa phương cân đối theo tiêu chí được Thủ tướng Chính phủ giao kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025 là 2.232,9 tỷ đồng và kế hoạch năm đầu (năm 2021) là 396,11 tỷ đồng.

⁴⁸ Cụ thể: Kế hoạch 2021 là 396,11 tỷ đồng; Kế hoạch 2022 là 419,877 tỷ đồng; Kế hoạch 2023 là 445,069 tỷ đồng; Kế hoạch 2024 là 471,773 tỷ đồng.

⁴⁹ Kế hoạch 2021 là 396,11 tỷ đồng; Kế hoạch 2022 là 396,11 tỷ đồng, bằng 100% KH2021; Kế hoạch 2023 là 416,312 tỷ đồng, tăng 5% KH2022; Dự kiến kế hoạch 2024 là 410,812 tỷ đồng, bằng 99% KH2023.

⁵⁰ Thấp hơn khoảng 113 tỷ đồng so với lộ trình Trung ương dự kiến

⁵¹ Kế hoạch 2021 là 79,2 tỷ đồng; kế hoạch 2022 là 79,2 tỷ đồng; kế hoạch 2023 là 105,94 tỷ đồng (đầu năm giao 83,262 tỷ đồng và bổ sung trong năm 22,678 tỷ đồng)

⁵² Kế hoạch 2021 là 7,92 tỷ đồng; kế hoạch 2022 là 7,92 tỷ đồng; kế hoạch 2023 là 8,326 tỷ đồng

⁵³ Bao gồm các dự án được Hội đồng nhân dân tỉnh giao từ nguồn phân cấp cấp tỉnh quản lý và nguồn dự phòng ngân sách địa phương

⁵⁴ Kế hoạch 2021 là 89,826 tỷ đồng; kế hoạch 2022 là 138,252 tỷ đồng; kế hoạch 2023 là 163,224 tỷ đồng

⁵⁵ Kế hoạch 2021 là 45,716 tỷ đồng; kế hoạch 2022 là 86,075 tỷ đồng; kế hoạch 2023 là 90,183 tỷ đồng

tỷ lệ đầu tư giai đoạn 2021-2024 tương ứng tỷ lệ đầu tư trung hạn được HĐND tỉnh giao.

*** Nguồn thu sử dụng đất:** dự kiến phân bổ 800 tỷ đồng cụ thể như sau:

a. Phần vốn do cấp tỉnh quản lý: 335 tỷ đồng
 - Nguồn thu từ đấu giá quyền sử dụng đất ở tại thành phố Đông Hà: sau khi dành 44,25 tỷ đồng (chiếm 15%) phục vụ cho công tác đo vẽ bản đồ địa chính và Quỹ phát triển đất, số còn lại 250,75 tỷ đồng, phân bổ:

+ Các công trình phát triển quỹ đất là 136,05 tỷ đồng (chiếm 46%);

+ Các công trình phát triển kinh tế xã hội là 114,7 tỷ đồng, (chiếm 39%).

- Nguồn thu đấu giá, đấu thầu các khu đất cho nhà đầu tư sử dụng: sau khi dành 5,25 tỷ đồng (chiếm 15%) phục vụ cho công tác đo vẽ bản đồ địa chính và Quỹ phát triển đất; còn lại 29,75 tỷ đồng dự kiến các dự án phát triển kinh tế xã hội của tỉnh theo nguyên tắc dự kiến hoàn thành các dự án theo đúng tiến độ đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Đối với các dự án chuyển tiếp cần đẩy nhanh tiến độ thực hiện, khởi công mới sẽ được trình Hội đồng nhân dân tỉnh giao kế hoạch khi nguồn thu được giao bổ sung dự toán trong năm.

- Nguồn thu đấu giá quyền sử dụng đất ở tại KKT TMĐB Lao Bảo: sau khi dành 0,75 tỷ đồng (chiếm 15%) phục vụ cho công tác đo vẽ bản đồ địa chính và Quỹ phát triển đất; số vốn còn lại 4,25 tỷ đồng dự kiến phân bổ thực hiện các dự án theo kế hoạch trung hạn đã được Hội đồng nhân dân tỉnh giao.

b. Phần vốn do cấp huyện quản lý: 465 tỷ đồng giao UBND các huyện, thành phố, thị xã chủ động phân bổ theo Nghị quyết số 111/2021/NQ-HĐND ngày 30/8/2021 của HĐND tỉnh về cơ chế tài chính xây dựng kết cấu hạ tầng phát triển quỹ đất và giải phóng mặt bằng, tạo quỹ đất sạch trên địa bàn tỉnh Quảng Trị.

*** Nguồn thu xổ số kiến thiết:** dự kiến phân bổ 45 tỷ đồng cho các lĩnh vực đảm bảo quy định tại Điểm đ, Khoản 2, Điều 14 Thông tư 71/2020/TT-BTC ngày 30/7/2020 của Bộ Tài chính⁵⁶, cụ thể như sau:

- Đầu tư cho lĩnh vực giáo dục - đào tạo, giáo dục nghề nghiệp là 6,37 tỷ đồng, chiếm 14,2%.

- Đầu tư cho lĩnh vực Y tế, dân số và gia đình là 22,71 tỷ đồng, chiếm 50,5%.

- Đầu tư cho công trình công cộng, phúc lợi xã hội là 7,7 tỷ đồng, chiếm 17%.

- Hỗ trợ xây dựng nông thôn mới là 8,222 tỷ đồng, chiếm 18,3%.

(Kế hoạch 2024 nguồn cân đối NSDP như các biểu kèm theo)

III. GIẢI PHÁP ĐIỀU HÀNH, TỔ CHỨC THỰC HIỆN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG VỐN NSNN NĂM 2024

1. Khẩn trương phân bổ và giao chi tiết kế hoạch đầu tư vốn NSNN năm 2024 ngay khi được Thủ tướng Chính phủ và Hội đồng nhân dân tỉnh giao kế hoạch, bảo đảm theo đúng các nguyên tắc, thứ tự ưu tiên bố trí vốn quy định tại Luật Đầu tư công, các Nghị quyết của Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh về dự

⁵⁶ Tối thiểu 60% cho lĩnh vực giáo dục đào tạo, dạy nghề và y tế; 10% hỗ trợ xây dựng nông thôn mới

toán NSNN năm 2024. Tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo, đẩy mạnh phân cấp, phân quyền, cá thể hóa trách nhiệm đi đôi với phối hợp, giám sát, kiểm tra, đánh giá việc thực hiện và khen thưởng, kỷ luật kịp thời, nghiêm minh; ưu tiên bố trí vốn cho những dự án cấp bách, quan trọng, mang tính kết nối, tạo động lực cho phát triển nhanh và bền vững; thực hành tiết kiệm, chống thất thoát, lãng phí trong đầu tư công;

2. Nâng cao chất lượng công tác chuẩn bị và tổ chức thực hiện dự án. Xác định công tác chuẩn bị dự án có vai trò tiên quyết, tập trung làm tốt công tác chuẩn bị đầu tư, chuẩn bị mọi điều kiện để hoàn thành thủ tục đầu tư nhằm nâng cao tính sẵn sàng, khả thi và khả năng triển khai thực hiện dự án; đảm bảo phù hợp với thực tế, hạn chế vướng mắc hoặc phải điều chỉnh trong quá trình thực hiện để đẩy nhanh tiến độ phân bổ, giải ngân và nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn vốn đầu tư công. Quá trình chuẩn bị đầu tư phải dự báo hết những khó khăn, vướng mắc có thể phát sinh, đặc biệt là công tác bồi thường, GPMB, chuyển đổi mục đích sử dụng đất; khảo sát, điều tra vị trí, chất lượng, khả năng cung ứng, cung đường vận chuyển, thủ tục khai thác mỏ vật liệu, bãi đổ thải, nguồn đất đắp, ...

3. Tăng cường kỷ luật, kỷ cương trong giải ngân vốn đầu tư công, đề cao vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu và chịu trách nhiệm toàn diện trước Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh về việc tổ chức thực hiện và kết quả giải ngân của đơn vị, địa phương mình. Có chế tài xử lý nghiêm theo quy định pháp luật đối với các chủ đầu tư, ban quản lý dự án, tổ chức, cá nhân cố tình gây khó khăn, cản trở, làm chậm tiến độ giao vốn, thực hiện và giải ngân vốn đầu tư công. Quyết liệt đẩy nhanh tiến độ thực hiện và giải ngân kế hoạch vốn đầu tư công năm 2024 gắn với quản lý chất lượng công trình để kích thích sản xuất kinh doanh, tiêu dùng, tạo việc làm và bảo đảm an sinh xã hội, góp phần thúc đẩy xây dựng và hoàn thiện kết cấu hạ tầng kinh tế xã hội cần thiết nhằm nâng cao sức cạnh tranh, thu hút các nguồn vốn đầu tư xã hội khác.

4. Các cấp, các ngành tập trung chỉ đạo, kịp thời tháo gỡ những vướng mắc, khó khăn trong quá trình triển khai thực hiện kế hoạch đầu tư công năm 2024. Thường xuyên theo dõi, đôn đốc, kiểm tra và hướng dẫn các chủ đầu tư, các đơn vị liên quan đẩy nhanh tiến độ thực hiện, giải ngân kế hoạch vốn của các công trình, dự án. Rà soát tình hình thực hiện từng dự án, phân nhóm các dự án gặp khó khăn vướng mắc về thủ tục đầu tư xây dựng, đấu thầu; nhóm các dự án vướng mắc về thủ tục đất đai, giải phóng mặt bằng; nhóm các dự án vướng mắc về kế hoạch vốn và thủ tục giải ngân để xử lý hoặc tham mưu UBND tỉnh giải quyết theo thẩm quyền. Chủ động, linh hoạt trong rà soát, đề xuất điều chuyển kế hoạch vốn đầu tư công năm 2024 đối với các dự án giải ngân kém, giải ngân không đúng tiến độ sang các dự án có khả năng giải ngân nhanh, cần đẩy nhanh tiến độ thực hiện.

5. Tập trung chỉ đạo, tháo gỡ những vướng mắc, khó khăn trong công tác giải phóng mặt bằng; hướng dẫn các đơn vị, địa phương thực hiện công tác giải phóng mặt bằng theo hướng chủ động, linh hoạt; làm gọn từng phần, kiểm đếm đến đâu, thẩm định, phê duyệt, chi trả tới đó; có mặt bằng sạch tới đâu thì triển khai thi công đến đó; chủ động nghiên cứu, vận dụng linh hoạt các chế độ, chính sách trong công tác giải phóng mặt bằng; đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến các quy

định của pháp luật đối với các dự án nhà nước thực hiện thu hồi đất; tăng cường công tác quản lý đất đai, xử lý nghiêm đối với các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân vi phạm; thực hiện công khai, minh bạch thông tin trong công tác quy hoạch, bồi thường, giải phóng mặt bằng.

6. Triển khai đồng bộ công tác quản lý vật liệu xây dựng từ giai đoạn thăm dò khai thác đến giai đoạn quy hoạch vật liệu xây dựng, cũng như quá trình khai thác và đưa vào sử dụng trên công trường; góp phần thúc đẩy sản xuất kinh doanh vật liệu xây dựng đảm bảo đúng quy hoạch, phù hợp với thị trường và đảm bảo chất lượng sản phẩm. Đẩy nhanh tiến độ cấp phép, đấu giá khai thác các mỏ khoáng sản làm vật liệu xây dựng theo quy định; các giải pháp để tăng nguồn cung đất làm vật liệu san lấp trong năm 2024 và thời gian tiếp theo. Xác định vị trí các mỏ vật liệu xây dựng theo hướng phân bổ hợp lý, khoanh định khu vực đấu giá hoặc không đấu giá mỏ (nếu đủ điều kiện) nhằm đảm bảo đáp ứng nhu cầu vật liệu xây dựng trên địa bàn, tối ưu hóa cự ly vận chuyển, hiệu quả kinh tế của các dự án. Công bố kịp thời các định mức, đơn giá, chỉ số giá xây dựng phù hợp, đầy đủ chủng loại, đặc biệt là các vật tư, vật liệu có biến động giá; góp phần nâng cao chất lượng công trình, nâng cao tính thuận tiện, hiệu quả trong quản lý chi phí đầu tư xây dựng, hợp đồng xây dựng trên địa bàn. Kịp thời đề xuất các giải pháp nhằm sớm tháo gỡ các khó khăn về vật liệu xây dựng xây dựng để đẩy nhanh tiến độ thi công và giải ngân kế hoạch vốn của các công trình, dự án.

7. Các đơn vị, địa phương, chủ đầu tư thực hiện xây dựng kế hoạch giải ngân theo từng tháng, quý cho từng nhiệm vụ, dự án. Phân công lãnh đạo chịu trách nhiệm theo dõi tiến độ thực hiện và giải ngân của từng nhiệm vụ, dự án theo kế hoạch đề ra. Kịp thời báo cáo cấp có thẩm quyền những khó khăn, vướng mắc vượt thẩm quyền để chỉ đạo, định hướng giải quyết ngay từ đầu, tuyệt đối không để xảy ra tình trạng dồn đẩy trách nhiệm.

Thường xuyên kiểm tra, đôn đốc nhà thầu thi công, các đơn vị liên quan tập trung nhân lực, nguyên vật liệu, thiết bị đẩy nhanh tiến độ thực hiện để giải ngân kế hoạch vốn được giao; yêu cầu nhà thầu phải có văn bản cam kết tiến độ thực hiện đối với từng hạng mục công trình, làm cơ sở để kiểm tra, giám sát và xử lý nghiêm việc vi phạm về tiến độ cũng như chất lượng công trình; trường hợp cần thiết, chấm dứt hợp đồng và thay thế ngay các nhà thầu khác. Đồng thời, kiên quyết xử lý nghiêm và kịp thời các nhà thầu vi phạm tiến độ, chất lượng công trình xây dựng, chậm giao nộp thủ tục thanh toán khối lượng hoàn thành, vi phạm các điều khoản hợp đồng đã ký kết.

Thực hiện nghiêm túc việc công khai thông tin đấu thầu theo quy định của Luật Đấu thầu; nghiêm túc thực hiện lộ trình áp dụng lựa chọn nhà thầu qua mạng; xây dựng hồ sơ mời thầu chất lượng, bảo đảm không được đưa ra các điều kiện nhằm hạn chế sự tham gia của nhà thầu hoặc nhằm tạo lợi thế cho một hoặc một số nhà thầu gây ra sự cạnh tranh không bình đẳng, đồng thời cũng không được đưa ra các yêu cầu quá cao dẫn đến làm tăng giá dự thầu hoặc hạn chế sự tham gia của các nhà thầu.

8. Tiếp tục triển khai các hạng mục công trình, dự án trong kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 của các chương trình MTQG đã được phê

duyet, trong đó tập trung hoàn thành các dự án hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị có tính hiệu quả, bền vững. Tăng cường lồng ghép nguồn lực từ các chương trình, dự án và từ chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, chương trình MTQG giảm nghèo bền vững để tập trung xây dựng nông thôn mới tại địa bàn các xã khó khăn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, thu hẹp khoảng cách vùng miền. Đẩy mạnh đào tạo, tập huấn, nâng cao năng lực và kỹ năng cho đội ngũ cán bộ làm công tác xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo, công tác dân tộc ngày càng chuyên nghiệp; ưu tiên bố trí đủ người có tâm huyết, đủ năng lực cho bộ máy tham mưu thực hiện các Chương trình MTQG trên địa bàn.

9. Đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, ứng dụng công nghệ thông tin trong việc xử lý thủ tục về đầu tư công; đơn giản hóa các quy trình, thủ tục liên quan đến công tác đầu tư công. Thực hiện nghiêm túc công tác báo cáo tiến độ thực hiện và giải ngân vốn đầu tư công theo định kỳ quy định hoặc đột xuất; chú trọng nâng cao chất lượng nội dung, thông tin báo cáo; đánh giá đầy đủ kết quả thực hiện, những tồn tại, hạn chế và kịp thời đề xuất, kiến nghị cấp có thẩm quyền giải quyết các khó khăn, vướng mắc.

Trên đây là Báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch phân bổ vốn đầu tư công năm 2023 và Kế hoạch sử dụng nguồn vốn ngân sách do tỉnh quản lý năm 2024, Ủy ban nhân dân tỉnh kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh./. *us*

Nơi nhận:

- Bộ KH&ĐT, Bộ Tài chính (để báo cáo);
- Thường trực Tỉnh ủy (để báo cáo);
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Thường trực UBND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- CVP, các PVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, TH_U. *us*

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Võ Văn Hưng



Biểu số 1

**TỔNG HỢP CÁC NGUỒN VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN
NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG CÂN ĐỐI KẾ HOẠCH 2024**(Kèm theo Báo cáo số **264** /BC-UBND ngày **19** /11/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Các nguồn vốn đầu tư	Dự kiến KH 2024 (TW thông báo)	Kế hoạch 2024	Ghi chú
	TỔNG CỘNG	1.304.012	1.309.012	
A	ĐẦU TƯ TRONG CÂN ĐỐI THEO TIÊU CHÍ	410.812	410.812	
1	Đầu tư lĩnh vực Quốc hội quy định (Giáo dục - đào tạo và Khoa học - công nghệ)		78.975	Chi tiết tại biểu số 2
-	Giáo dục - đào tạo		70.760	
-	Khoa học công nghệ		8.215	
2	Đầu tư các khoản thuộc trách nhiệm chung của tỉnh (ngoài lĩnh vực GD-ĐT và KHCN)		69.137	
-	Nhiệm vụ quy hoạch		11.461	Giao UBND tỉnh triển khai thực hiện
-	Ưu đãi đầu tư		4.000	Giao UBND tỉnh triển khai thực hiện
-	Đối ứng cho các dự án ODA thuộc trách nhiệm địa phương		53.676	Chi tiết tại biểu số 3
4	Cân đối theo tiêu chí (phân cấp quản lý)		262.700	
-	Cấp tỉnh quản lý		199.800	Chi tiết tại biểu số 4
-	Cấp huyện quản lý		62.900	Chi tiết tại biểu số 5
B	ĐẦU TƯ TỪ NGUỒN THU SỬ DỤNG ĐẤT	800.000	800.000	
1	Cấp tỉnh quản lý		335.000	
-	Nguồn thu từ đấu giá quyền sử dụng đất ở		295.000	Chi tiết tại biểu số 6
-	Nguồn thu từ đấu giá, đấu thầu các khu đất cho nhà đầu tư sử dụng		35.000	Chi tiết tại biểu số 6
-	Nguồn thu đấu giá đất ở tại Khu kinh tế TMĐB Lao Bảo		5.000	Chi tiết tại biểu số 6
2	Cấp huyện quản lý		465.000	Chi tiết tại biểu số 5
C	XỔ SỐ KIẾN THIẾT	40.000	45.000	Chi tiết tại biểu số 7
D	ĐẦU TƯ TỪ NGUỒN BỘI CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	53.200	53.200	Giao UBND tỉnh triển khai thực hiện

(*) Dự kiến kế hoạch 2024 được Trung ương thông báo tại văn bản số 8542/BKHĐT-TH ngày 13/10/2023 và 8678/BKHĐT-TH ngày 19/10/2023 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư

(**) Cân đối theo tiêu chí cấp tỉnh quản lý bao gồm các dự án được Hội đồng nhân dân tỉnh giao từ nguồn phân cấp cấp tỉnh quản lý và nguồn dự phòng ngân sách địa phương

STT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư được phê duyệt			Kế hoạch trung hạn 2021-2025	Kế hoạch bố trí đến 2023	Kế hoạch 2024	Ghi chú
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT					
						Tổng số	Trong đó: NSDP				
-	Đầu tư nâng cấp cơ sở vật chất các đơn vị trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo Quảng Trị	Toàn tỉnh	8 NĐN, 24 PTH, 3 NHB, 16 phòng TEKT, 1 TV	22-25	3835, 3836, 3837/QĐ-UBND ngày 29/11/2021	104.896	104.896	104.896	35.614	14.373	
-	Trường PTDT bán trú Tiểu học Vĩnh Hà; Hạng mục: Nhà 2 tầng, 6 phòng học bộ môn và các hạng mục phụ trợ	Vĩnh Linh	6 phòng học	23-25	4058/QĐ-UBND 22/11/2022 của huyện VL	5.500	5.000	5.000	1.000	1.000	
-	Trường PTDT BT TH&THCS Hướng Lập, hạng mục: Nhà học bộ môn và chức năng	Hướng Hóa	990m2	23-25	4218/QĐ-UBND 15/11/2022 của huyện HH	6.000	5.000	5.000	1.000	1.000	
-	Trường PTDT BT TH&THCS Ba Tầng, hạng mục: Nhà học bộ môn và chức năng	Hướng Hóa	930m	23-25	4217/QĐ-UBND 15/11/2022 của huyện HH	6.000	5.000	5.000	1.000	1.000	
-	Trường PTDTBT THCS Tà Long, hạng mục: Nhà hiệu bộ	Đakrông	540m2	23-25	2883/QĐ-UBND 22/11/2022 của huyện Đakrông	3.300	3.000	3.000	1.087	1.000	
2	Cấp huyện					75.170	58.550	58.550	18.850	23.050	
2.1	Huyện Hướng Hóa					8.900	7.400	7.400	4.450	2.950	
*	Các dự án hoàn thành năm 2024										
-	Trường Tiểu học Hướng Tân, hạng mục: Nhà hiệu bộ, cổng, hàng rào	Hướng Hóa	Nhà hiệu bộ 362m2	22-24	6365/QĐ-UBND ngày 29/11/2021 của huyện HH	4.000	3.500	3.500	2.950	550	
-	Trường Tiểu học và THCS Hướng Việt; Hạng mục: Phòng học bộ môn	Hướng Hóa	348m2	22-24	6364/QĐ-UBND ngày 29/11/2021 của huyện HH	2.500	2.000	2.000	1.500	500	
*	Các dự án khởi công mới năm 2024										
-	Trường Tiểu học Thanh; Hạng mục: 02 phòng học điểm trường Ploang	Hướng Hóa	131m2	23-25	4222/QĐ-UBND ngày 15/11/2022 của huyện HH	1.200	1.000	1.000		1.000	

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

DANH
ĐƠN VỐN ĐỐI ỨNG CẢ
(Kèm theo Báo cáo số

(Kèm theo Báo cáo số **264** /BC-UBND ngày **19** /11/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

[illegible]

TT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư				Kế hoạch trung hạn 2021-2025	Kế hoạch bố trí đến 2023	Kế hoạch 2024	Ghi chú
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Trong đó: NSDP				
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)						
-	Hiện đại hóa ngành Lâm nghiệp và tăng cường tính chống chịu vùng ven biển	VL, GL, TP, HL, CC	PH&PT rừng ven biển (7.917 ha), tạo lợi ích bền vững từ RVB	2019-2026	1486/QĐ-UBND ngày 18/6/2019, 1249/QĐ-TTg ngày 26/10/2023	248.443		72.982	50.160	36.729	6.214	
*	Các dự án khởi công mới năm 2024											
-	Phát triển đô thị ven biển miền Trung hướng tới tăng trưởng xanh và ứng phó biến đổi khí hậu thành phố Đông Hà	Đông Hà	xây dựng cơ sở hạ tầng đô thị	2024-2027	2469/QĐ-UBND ngày 27/10/2023	1.152.920		134.560	22.210	0	11.000	
4	Giao thông											
*	Các dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2024											
-	Hạ tầng cơ bản cho phát triển toàn diện các tỉnh Quảng Trị	TP,HL,G L,VL CL, ĐK, HH	03 hợp phần	2018-2025	1134/ QĐ-UBND ngày 25/05/2018 1913/QĐ-UBND ngày 23/8/2023	1.094.321		215.770	118.065	71.891	15.500	

Biểu số 4

DANH MỤC DỰ ÁN ĐẦU TƯ CÔNG KẾ HOẠCH 2024

NGUỒN VỐN ĐẦU TƯ TRONG CÁN ĐỐI DO CẤP TỈNH QUẢN LÝ

(Kèm theo Báo cáo số 264 /BC-UBND ngày 19 /11/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Kế hoạch trung hạn 2021-2025	Kế hoạch bố trí đến 2023	Kế hoạch 2024	Ghi chú
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số	Trong đó: NSDP				
I	CHUẨN BỊ ĐẦU TƯ					1.164.225	408.040	552.585	172.254	199.800	
II	QUYẾT TOÁN CÔNG TRÌNH							20.000	4.580	2.000	
III	ĐẦU TƯ NGÀNH, LĨNH VỰC							98.000	48.169	4.000	
1	Y tế, dân số và gia đình										
*	Các dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2024					1.164.225	408.040	434.585	119.505	193.800	
-	Đầu tư sửa chữa, nâng cấp cơ sở vật chất y tế tuyến tỉnh, tuyến huyện	Toàn tỉnh	6140 m2 + cải tạo, sửa chữa	22-26	3841/QĐ-UBND 29/11/2021	74.500	18.000	18.000	12.745	5.255	+ Vốn XSKT
2	Văn hóa, thông tin										
*	Các dự án hoàn thành năm 2024										
-	Sửa chữa, nâng cấp Đài tưởng niệm anh hùng đảo Côn Cỏ	Côn Cỏ	Sửa chữa, nâng cấp	23-24	02/NQ-HĐND 22/6/2023 của huyện đảo CC	3.286	3.000	3.000	1.060	1.940	+ vốn NS huyện
*	Các dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2024										
-	Nhà văn hóa trung tâm thị xã Quảng Trị	Quảng Trị	3.600 m2	22-24	1138/QĐ-UBND ngày 02/11/2021 của TXQT	44.460	30.000	30.000	12.500	10.000	+ Vốn NS T.xã
-	Đường vào khu di tích quốc gia Thành Tân Sở	Cam Lộ	5,66 km	23-25	40/NQ-HĐND ngày 5/7/2021 của huyện CL	20.000	10.000	10.000	3.000	3.500	+ Vốn NS huyện
*	Các dự án khởi công mới năm 2024										
-	Đầu tư, tôn tạo di tích lịch sử lưu niệm danh nhân - Mộ Tiến sĩ Bùi Dục Tài	Hải Lăng	Tôn tạo	2023-2025	60/NQ-HĐND ngày 19/7/2023	9.000	4.500	4.500		2.000	
3	Phát thanh, truyền hình, thông tấn										
*	Các dự án hoàn thành năm 2024										
-	Đầu tư cơ sở vật chất đài truyền thanh cấp huyện trên địa bàn tỉnh Quảng Trị	Toàn tỉnh	Thiết bị	22-24	3859/QĐ-UBND 30/11/2021	15.000	15.000	15.000	9.000	5.990	

STT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Kế hoạch trung hạn 2021-2025	Kế hoạch bố trí đến 2023	Kế hoạch 2024	Ghi chú
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT					
						Tổng số	Trong đó: NSDP				
4	Bảo vệ môi trường										
*	Các dự án hoàn thành năm 2024										
-	Hệ thống tuyến ống dẫn nước thải cụm công nghiệp Diên Sanh	Hải Lăng	1.220m3/ngày đêm	22-24	639/QĐ-UBND ngày 28/10/2022 của huyện HL	13.500	10.000	10.000	3.000	7.000	+ Vốn NS huyện
*	Các dự án khởi công mới năm 2024										
-	Nâng cấp, hoàn thiện bãi chôn lấp bãi rác thành phố Đông Hà	Đông Hà	2 hố chôn lấp; 9600m2	23-25	189/NQ-HĐND 29/6/2022 của TP Đông Hà	20.000	12.000	12.000	0	6.000	+ Vốn NS thành phố
5	Nông nghiệp, lâm nghiệp, diêm nghiệp, thủy lợi và thủy sản										
*	Các dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2024										
-	Hồ sinh thái đập dâng Khe Ruồi, thị trấn Krông Klang, huyện Đakrông (giai đoạn 1)	Đakrông	tưới cho 5,58ha	23-25	2083/QĐ-UBND ngày 18/10/2023 của huyện ĐK	29.500	20.000	20.000	5.000	7.000	+ Vốn NS huyện
-	Hỗ trợ 09 xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi đăng ký đạt chuẩn NTM giai đoạn 2021-2025										
+	Huyện Vĩnh Linh							12.000	0	12.000	Về đích NTM năm 2024
+	Huyện Gio Linh							4.000	0	4.000	
+	Huyện Hướng Hóa							12.000	0	6.000	
+	Huyện Đakrông							8.000	0	2.000	
6	Giao thông										
*	Các dự án hoàn thành năm 2024										
-	Đường giao thông liên thôn Mã Lai-Tân Pun, xã Hướng Phùng, huyện Hướng Hóa	Hướng Hóa	2950m	22-24	3755/QĐ-UBND 23/11/2021	8.300	8.300	8.300	7.700	70	
-	Nâng cấp một số tuyến đường nội thị, hệ thống điện chiếu sáng khu vực trung tâm huyện Đakrông (giai đoạn 2)	Đakrông	3,63 km	22-24	4491/QĐ-UBND ngày 30/11/2021 của huyện ĐK	15.000	15.000	15.000	10.500	4.500	

[illegible]

STT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Kế hoạch trung hạn 2021-2025	Kế hoạch bố trí đến 2023	Kế hoạch 2024	Ghi chú
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT					
						Tổng số	Trong đó: NSDP				
*	Các dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2024										
-	Hạ tầng khu tái định cư tại xã Trung Giang, huyện Gio Linh	Gio Linh	02 khu TĐC	21-24	2971/QĐ-UBND ngày 01/8/2022	518.000	7.500	7.500	2.100	2.500	+ Vốn NS huyện
*	Các dự án khởi công mới năm 2024										
-	Xây dựng CSHT khu tái định cư Phường 3, thành phố Đông Hà (giai đoạn 2)	Đông Hà	2,7ha	23-25	188/NQ-HĐND ngày 29/6/2023 của Tp Đông Hà	28.000	25.000	25.000		11.500	+ Vốn NS thành phố
-	Cải tạo cảnh quan Hồ Sặc Tứ, thị trấn Ái Tử	Triệu Phong	3,11 ha	23-25	28/NQ-HĐND ngày 30/6/2023 của huyện TP	25.000	10.000	10.000		4.500	+ Vốn NS huyện
10	Quản lý nhà nước										
*	Các dự án hoàn thành năm 2024										
-	Cải tạo, sửa chữa trụ sở UBND tỉnh	Đông Hà	Cải tạo	22-24	3839/QĐ-UBND 29/11/2021/NQ-HĐND ngày ...12/2023	40.000	40.000	40.000	20.000	20.000	
-	Hội trường huyện ủy Cam Lộ	Cam Lộ	890 m2	22-24	2409/QĐ-UBND 30/11/2021 của huyện CL	14.600	8.000	8.000	6.500	1.500	+ Vốn NS huyện
-	Trụ sở UBND xã Triệu Nguyên, huyện Đakrông	Đakrông	990,6 m2	22-24	4275/QĐ-UBND 19/11/2021 của huyện ĐK	7.300	6.500	6.500	5.000	1.500	+ Vốn NS huyện
*	Các dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2024										
-	Nhà công vụ huyện Đakrông	Đakrông	500 m2	23-24	2899/QĐ-UBND 18/11/2022 của huyện ĐK	5.000	4.500	4.500	2.000	1.500	+ Vốn NS huyện
*	Các dự án khởi công mới năm 2024										
-	Cải tạo, sửa chữa Trụ sở Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Trị	Đông Hà	Cải tạo	24-25	/NQ-HĐND ngày ...12/2023	6.200	6.200	6.200	0	5.000	
-	Cơ quan Đảng, Mặt trận và các tổ chức chính trị - xã hội huyện Hải Lăng	Hải Lăng	5 tầng	23-25	1045/QĐ-UBND ngày 24/10/2023 của huyện HL	32.945	10.000	10.000	0	4.500	+ Vốn NS huyện

[illegible]

Biểu số 05
TỔNG HỢP KẾ HOẠCH 2024
NGUỒN VỐN ĐẦU TƯ PHÂN CẤP DO CẤP HUYỆN QUẢN LÝ
 (Kèm theo Báo cáo số **264** /BC-UBND ngày **19** /11/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh)
ĐVT: Triệu đồng

TT	Nội dung	Kế hoạch 2024	Trong đó		Ghi chú
			Cân đối theo tiêu chí	Thu sử dụng đất	
	TỔNG CỘNG	527.900	62.900	465.000	
1	Thành phố Đông Hà	142.154	5.154	137.000	
2	Thị xã Quảng Trị	54.404	4.404	50.000	
3	Huyện Vĩnh Linh	114.092	7.092	107.000	
4	Huyện Hướng Hóa	24.017	9.017	15.000	
5	Huyện Gio Linh	34.962	6.962	28.000	
6	Huyện Đakrông	15.711	7.711	8.000	
7	Huyện Cam Lộ	45.969	5.969	40.000	
8	Huyện Triệu Phong	31.929	6.929	25.000	
9	Huyện Hải Lăng	61.675	6.675	55.000	
10	Huyện đảo Cồn Cỏ	2.987	2.987		

DANH MỤC DỰ ÁN ĐẦU TƯ CÔNG KẾ HOẠCH 2024

NGUỒN VỐN ĐẦU TƯ TỪ NGUỒN THU SỬ DỤNG ĐẤT

(Kèm theo Báo cáo số **264** /BC-UBND ngày **19** /11/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư được phê duyệt			Kế hoạch trung hạn 2021-2025	Kế hoạch bố trí đến 2023	Kế hoạch 2024	Dự án kéo dài thời gian bố trí vốn	Ghi chú
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT						
						Tổng số	Trong đó: NSDP					
	TỔNG CỘNG				7.992.313	3.268.424	3.797.672	1.823.257	800.000			
A	CẤP TỈNH QUẢN LÝ				7.992.313	3.268.424	1.697.672	580.257	335.000			
I	NGUỒN THU TỪ ĐẦU GIÁ QSD ĐẤT Ở				7.689.888	3.087.004	1.508.692	493.084	295.000			
I.1	Đo đạc địa chính và quỹ phát triển đất								44.250			
I.2	Bố trí các công trình phát triển quỹ đất				1.889.628	1.889.628	920.055	322.257	136.050			
1	Công cộng tại các đô thị											
*	<i>Các dự án hoàn thành năm 2024</i>											
-	Xây dựng cơ sở hạ tầng khu vực Bắc sông Hiếu	Đông Hà	30ha	2016-2024	2372/QĐ-UBND ngày 31/10/2015; 1829/QĐ-UBND ngày 04/8/2016; 933/QĐ-UBND ngày 26/4/2019	251.951	68.905	60.804	8.100			
-	Khu đô thị Nam Đông Hà giai đoạn 3	Đông Hà	66ha	2011-2021	1609/QĐ-UBND 5/8/2011	334.014	8.100	7.900	118			Dự án đã phê duyệt quyết toán
-	Công viên mini phường 2 thành phố Đông Hà	Đông Hà	0,21 ha	2021-2022	1230/QĐ-UBND 21/5/2021	5.881	5.218	5.182	31			Dự án đã phê duyệt quyết toán
-	Đường Vành đai cứu hộ cứu nạn phía Tây thành phố Đông Hà (giai đoạn 1)	Đông Hà	5,178km	2011-2022	1433/QĐ-UBND ngày 05/08/2010; 3389/QĐ-UBND ngày 08/12/2017	183.381	5.000	2.559	2.400		X	
-	Điều chỉnh cục bộ quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Khu đô thị Nam Đông Hà giai đoạn 2, 3	Đông Hà		2023-2024	1974/QĐ-UBND ngày 08/10/2023	351	400	0	350			

STT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư được phê duyệt			Kế hoạch trung hạn 2021-2025	Kế hoạch bố trí đến 2023	Kế hoạch 2024	Dự án kéo dài thời gian bố trí vốn	Ghi chú
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số	TMĐT Trong đó: NSĐP					
-	Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 khu vực đường An Dương Vương, thành phố Đông Hà	Đông Hà		2023-2024		390	390	390	0	360		
*	<i>Các dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2024</i>											
-	Khu đô thị Tân Vĩnh	Đông Hà	18,19ha	2022-2025	4640/QĐ-UBND ngày 31/12/2021	60.800	60.800	60.200	29.500	14.000		Hoàn trả QPTĐ 3 tỷ đồng
-	Khu đô thị Bắc sông Hiếu giai đoạn 2	Đông Hà	41,6ha	2020-2025	2985/QĐ-UBND ngày 31/10/2019	443.876	443.876	385.000	207.602	60.000		Hoàn trả QPTĐ 10 tỷ đồng
-	Khu đô thị sinh thái Nam Đông Hà	Đông Hà	61,99ha	2023-2026	34/QĐ-UBND ngày 09/01/2023	546.680	546.680	324.538	3.210	25.691		
-	Lát vỉa hè các tuyến đường còn lại khu đô thị Nam Đông Hà giai đoạn 1	Đông Hà	21 tuyến	2023-2025	1311/QĐ-UBND ngày 21/6/2023	23.612	23.612	23.612	2.300	10.000		
-	Xây dựng chỉnh trang, hoàn thiện đồng bộ cơ sở hạ tầng khu đô thị Nam Đông Hà giai đoạn 2	Đông Hà	19 tuyến	2023-2025	1605/QĐ-UBND ngày 24/7/2023	38.692	38.692	38.692	3.200	15.000		
I.3	Bố trí cho các công trình phát triển kinh tế xã hội khác					5.800.260	1.197.376	588.637	170.827	114.700		
I	Giao thông											
*	<i>Các dự án hoàn thành năm 2024</i>											
-	Đường Trường Chinh, thành phố Đông Hà (đoạn từ đường Lê Lợi đến đường Hùng Vương)	Đông Hà	5ha	2019-2022	2335/QĐ-UBND ngày 04/9/2019	14.893	14.893	4.500	417	2.600	X	
-	Dự án Phát triển các đô thị dọc hành lang tiểu vùng sông Mê Kông	ĐH, HH	02 đô thị	13-22	2830/QĐ-UBND ngày 04/11/2016 1073/QĐ-UBND 13/5/2019	2.446.067	216.645	100.447	80.073	8.000	X	Hoàn trả QPTĐ
-	Via hè đường Lý Thường Kiệt, TP Đông Hà	Đông Hà	26510m	2021-2023	2999/QĐ-UBND ngày 29/12/2020 của Tp Đông Hà	20.000	20.000	18.000	14.540	3.460	X	
-	Đường nối từ cầu chui đường sắt (tại nút giao ĐT575a với quốc lộ 1) đi ĐT575b, huyện Gio Linh	Gio Linh	3253,2m	2021-2022	1036/QĐ-UBND ngày 20/4/2020	19.500	6.500	6.500	5.200	1.300	X	

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

STT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư được phê duyệt			Kế hoạch trung hạn 2021-2025	Kế hoạch bố trí đến 2023	Kế hoạch 2024	Dự án kéo dài thời gian bố trí vốn	Ghi chú
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số	Trong đó: NSDP					
-	Nhà ở vận động viên năng khiếu	Đông Hà	2.000m2	23-25	3834/QĐ-UBND ngày 29/11/2021	23.000	7.220	15.780	11.000	2.666		+ vốn XSKT
6	Hỗ trợ doanh nghiệp											
-	Hỗ trợ khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn	Toàn tỉnh	Hỗ trợ	22-25				15.000	7.000	1.000		
III	NGUỒN THU ĐẦU TƯ GIÁ QSD ĐẤT Ở TẠI KKT THƯƠNG MẠI ĐẶC BIỆT LAO BẢO					119.000	34.000	34.000	18.710	5.000		
III.1	Đo đạc địa chính và quỹ phát triển đất									750		
III.2	Các công trình phát triển quỹ đất và phát triển KTXH khác					119.000	34.000	34.000	18.710	4.250		
1	Khu công nghiệp và khu kinh tế											
*	Các dự án hoàn thành năm 2024											
-	San nền và HTKT thiết yếu tại Khu vực TTCK Quốc tế La Lay - tỉnh Quảng Trị (giai đoạn 2)	Đakrông	Bãi xuất 2,45 ha; bãi nhập 0,67 ha	2022-2025	1349/QĐ-UBND ngày 31/5/2021	94.000	9.000	9.000	6.450	2.250		+Vốn NSTW
*	Các dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2024											
-	Tuyến RD-01 và RD-04 khu công nghiệp Quán Ngang	Gio Linh	1215 m	2023-2025	58/NQ-HĐND ngày 19/7/2023	25.000	25.000	25.000	12.260	2.000		
B	CÁP HUYỆN QUẢN LÝ							2.100.000	1.243.000	465.000		Chi tiết tại biểu số 5

(*) Kế hoạch bố trí đến năm 2023 được cập nhật theo theo số liệu trình Hội đồng nhân dân tỉnh giám dự toán kế hoạch 2023

Biểu số 7
DANH MỤC DỰ ÁN ĐẦU TƯ CÔNG KẾ HOẠCH 2024
NGUỒN VỐN XÓ SÓ KIẾN THIẾT
(Kèm theo Báo cáo số 364/BC-UBND ngày 19/11/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

STT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư được phê duyệt				Kế hoạch trung hạn 2021-2025	Kế hoạch bổ trí đến 2023	Kế hoạch 2024	Ghi chú
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Trong đó: NSDP				
						Tổng số						
	TỔNG CỘNG					246.914	115.220	159.830	62.830	45.000		
I	GIÁO DỤC, ĐÀO TẠO VÀ GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP					31.814	10.500	10.500	3.830	6.370		
*	<i>Các dự án hoàn thành năm 2024</i>											
-	Trường Cao đẳng kỹ thuật tỉnh Quảng Trị; Hàng mục: xây mới giảng đường đa năng, cải tạo và mở rộng nhà hiệu bộ, cải tạo khối phòng học	Đồng Hà	GĐĐN: 1.496 m2; NHB, PH	22-24	3833/QĐ-UBND ngày 29/11/2021	24.414	5.200	5.200	1.830	3.370	+ Vốn NSDP	
*	<i>Các dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2024</i>											
-	Trung tâm bồi dưỡng chính trị huyện Cam Lộ	Cam Lộ	Xây mới	23-25	2707/QĐ-UBND ngày 12/12/2023 của huyện CL	7.400	5.300	5.300	2.000	3.000	+ Vốn NS huyện	
II	Y TẾ, DÂN SỐ VÀ GIA ĐÌNH					103.400	82.500	78.630	23.000	22.710		
*	<i>Các dự án hoàn thành năm 2024</i>											
-	Trạm y tế xã Vĩnh Thái, huyện Vĩnh Linh; Hàng mục: xây mới nhà 2 tầng và các hạng mục phụ trợ	Vĩnh Linh	420 m2	22-24	5048/QĐ-UBND 30/11/2021 của huyện VL	4.200	4.000	4.000	3.250	750	Hỗ trợ đạt chuẩn NTM	
-	Trạm y tế xã Cam Nghĩa	Cam Lộ	460 m2	22-24	2385/QĐ-UBND ngày 25/11/2021 của huyện CL	5.000	4.000	4.000	3.250	750	+ Vốn NS huyện	
*	<i>Các dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2024</i>											
-	Đầu tư sửa chữa, nâng cấp cơ sở vật chất y tế tuyến tỉnh, tuyến huyện	Toàn tỉnh	6140 m2 + cải tạo, sửa chữa	22-26	3841/QĐ-UBND 29/11/2021	74.500	56.500	52.630	11.000	14.210	+ Vốn NSDP	

STT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư được phê duyệt				Kế hoạch trung hạn 2021-2025	Kế hoạch bổ trí đến 2023	Kế hoạch 2024	Ghi chú
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT						
						Tổng số	Trong đó: NSDP					
-	Trạm y tế xã Vĩnh Khê, huyện Vĩnh Linh; Hàng mục: xây mới nhà 2 tầng và các hạng mục phụ trợ	Vĩnh Linh	420 m2	23-25	4071/QĐ-UBND 22/11/2022 của huyện VL	4.200	4.000	4.000	1.500	2.000	+ Vốn NS huyện	
-	Nâng cấp các trạm y tế xã trên địa bàn huyện Hải Lăng (xã Hải Chánh, Hải Trường, Hải Quý, Hải Quế, Hải Định)	Hải Lăng	2384 m2	23-25	405/QĐ-UBND ngày 30/6/2021 của huyện HL	6.500	6.000	6.000	2.000	2.000	+ Vốn NS huyện	
-	Đầu tư, nâng cấp các trạm y tế trên địa bàn TP Đông Hà (Phường 2, Phường 4, Phường Đông Giang, Phường Đông Thanh)	Đông Hà	900 m2	23-25	2606/QĐ-UBND ngày 14/12/2022 của TP Đ. Hà	9.000	8.000	8.000	2.000	3.000	+ Vốn NS Tp	
III	CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG, PHÚC LỢI XÃ HỘI					111.700	22.220	22.220	9.000	7.700		
*	Các dự án hoàn thành năm 2024											
-	Nhà văn hóa trung tâm huyện Vĩnh Linh	Vĩnh Linh	3.950 m2	21-24	4606/QĐ-UBND 28/12/2020 của huyện VL	71.000	10.000	10.000	7.000	3.000	+ Vốn NS huyện	
*	Các dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2024											
-	Nhà ở vận động viên năng khiếu	Đông Hà	2.000m2	23-25	3834/QĐ-UBND ngày 29/11/2021	23.000	7.220	7.220	2.000	3.200	+ Vốn đất	
*	Các dự án khởi công mới năm 2024											
-	Sân thể dục thể thao và các hạng mục phụ trợ, huyện Hải Lăng	Hải Lăng	Sân nền: 290.230m2; giao thông 187m, hệ thống thoát nước 670m và hạng mục khác	23-25	19/NQ-HĐND ngày 27/7/2023 của huyện HL	17.700	5.000	5.000		1.500	+ Vốn NS huyện	
IV	Hỗ trợ xây dựng Nông thôn mới											
-	Huyện Hải Lăng	Hải Lăng						48.480	27.000	8.220		
-	Huyện Triệu Phong	Triệu Phong						10.020	5.500	1.500		
-								10.020	5.500	1.500		

STT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư được phê duyệt			Kế hoạch trung hạn 2021-2025	Kế hoạch bố trí đến 2023	Kế hoạch 2024	Ghi chú
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT					
						Tổng số	Trong đó: NSDP				
-	Huyện Vĩnh Linh	Vĩnh Linh					14.220	10.500	3.720	Về đích NTM năm 2024	
-	Huyện Gio Linh	Gio Linh					14.220	5.500	1.500		